



TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP

Trụ sở: Số 519, đường Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Địa chỉ liên lạc: Tầng 14, Tháp A Tòa nhà Handiresco, 521 Kim Mã, Quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 0243 862 1688; Website: www.vilico.vn

Giấy CNĐKDN số 0100104443, do Sở KH và ĐT Tp. Hà Nội cấp lần thứ 12 ngày 16/11/2023.

TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM – CTCP
(Mã chứng khoán: VLC)

Tài liệu họp

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2025

Ngày 23/04/2025



TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP

Trụ sở: Số 519, đường Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Địa chỉ liên lạc: Tầng 14, Tháp A Tòa nhà Handiresco, 521 Kim Mã, Quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 0243 862 1688; Website: www.vilico.vn

Giấy CNĐKD số 0100104443, do Sở KH và ĐT Tp. Hà Nội cấp lần thứ 12 ngày 16/11/2023.

CHƯƠNG TRÌNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2025

TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP

Thời gian dự kiến: 13:30 – 17:00 Thứ Tư, ngày 23 tháng 04 năm 2025

Hình thức tổ chức: Trực tuyến tại số 10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

Thời gian dự kiến	Nội dung
13:30 - 13:35	Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông
13:35 - 13:40	Khai mạc Đại hội; Giới thiệu đại biểu, khách mời
13:40 - 13:55	<ul style="list-style-type: none">- Giới thiệu Đoàn chủ tịch- Giới thiệu Ban Thư Ký- Thông qua Chương trình Đại hội- Bầu Ban kiểm phiếu
13:55 - 14:30	Các nội dung trình Đại Hội Đồng Cổ Đông (“ ĐHĐCĐ ”) phê duyệt: <ul style="list-style-type: none">1. Báo cáo của Hội đồng quản trị (“HĐQT”) cho năm 2024;2. Báo cáo của Ban kiểm soát (“BKS”) cho năm 2024;3. Báo cáo tài chính năm 2024 được kiểm toán;4. Báo cáo tình hình sử dụng vốn đã kiểm toán trong năm 2024;5. Phân phối lợi nhuận năm 2024;6. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2025;7. Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2025;8. Thù lao của HĐQT và BKS năm 2025;9. Bầu thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2025-2029;10. Bầu thành viên BKS nhiệm kỳ 2025-2029.
14:30 - 15:15	Thảo luận các nội dung của Chương trình Đại hội
15:15 - 15:25	Biểu quyết
15:25 - 15:30	Công bố kết quả biểu quyết
15:30 - 15:45	Bầu cử
15:45 - 15:50	Công bố kết quả bầu cử
15:50 - 16:00	Thông qua Biên bản và công bố Nghị quyết Đại hội
16:05	Bế mạc Đại hội



TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP

Trụ sở: Số 519, đường Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Địa chỉ liên lạc: Tầng 14, Tháp A Tòa nhà Handiresco, 521 Kim Mã, Quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 0243 862 1688; Website: www.vilico.vn

Giấy CNĐKDN số 0100104443, do Sở KH và ĐT Tp. Hà Nội cấp lần thứ 12 ngày 16/11/2023.

CÁC VẤN ĐỀ VỀ THỦ TỤC

VẤN ĐỀ 1: CHƯƠNG TRÌNH HỢP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua chương trình họp ĐHĐCĐ như đã nêu trên.

VẤN ĐỀ 2: THÀNH PHẦN BAN KIỂM PHIẾU

Nhằm hỗ trợ cho Ban tổ chức đại hội trong việc kiểm phiếu biểu quyết và bầu cử, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua thành phần nhân sự của Ban kiểm phiếu như sau:

- | | |
|-----------------------|--------------------|
| - Bà Hoàng Thị Hà | Trưởng ban |
| - Bà Hồ Thị Ngọc Dung | Thành viên |
| - Bà Nghiêm Thị Quyên | Thành viên độc lập |

CÁC NỘI DUNG CHI TIẾT TRÌNH ĐHĐCĐ THÔNG QUA

VẤN ĐỀ 3: BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2024

(Vui lòng xem Báo cáo của HĐQT được trình bày chi tiết theo Báo cáo đính kèm).

VẤN ĐỀ 4: BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2024

(Vui lòng xem Báo cáo của BKS được trình bày chi tiết theo Báo cáo đính kèm).

VẤN ĐỀ 5: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2024 ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Báo cáo tài chính năm 2024 được kiểm toán đã được công bố thông tin theo quy định, đồng thời được đăng tải trên website của Công ty tại địa chỉ: www.vilico.vn, trong đó bao gồm các nội dung sau:

- Báo cáo của Kiểm toán viên;
- Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2024;
- Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trong đó: Một số chỉ tiêu cơ bản của Báo cáo tài chính như sau:

Thông tin tài chính hợp nhất:

Stt	Các chỉ tiêu chủ yếu (làm tròn tỷ đồng)	Thực hiện 2024	Thực hiện 2023	Tăng/ (giảm) so với 2023
1	Doanh thu thuần	2.957,3	3.152,0	-6,2%
2	Lợi nhuận trước thuế	138,2	327,3	-57,8%
3	Lợi nhuận sau thuế	117,1	289,1	-59,5%

**TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP**

Trụ sở: Số 519, đường Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Địa chỉ liên lạc: Tầng 14, Tháp A Tòa nhà Handiresco, 521 Kim Mã, Quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 0243 862 1688; Website: www.vilico.vn

Giấy CNĐKDN số 0100104443, do Sở KH và ĐT Tp. Hà Nội cấp lần thứ 12 ngày 16/11/2023.

VẤN ĐỀ 6: BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN ĐÃ KIỂM TOÁN TRONG NĂM 2024

HĐQT kính trình ĐHCĐ phê duyệt Báo cáo tình hình sử dụng vốn đã kiểm toán thu được từ đợt phát hành 40.145.438 cổ phiếu trong năm 2024 như sau:

STT	Nội dung	Đến 31/12/2024 (đồng)
I	Số tiền thu được từ đợt phát hành 40.145.438 cổ phiếu phổ thông	562.036.132.000
II	Sử dụng vốn	562.036.132.000
III	Số tiền còn lại tại ngày cuối kỳ (I-II)	0

Báo cáo tình hình sử dụng vốn Công ty đã được đăng tải trên website tại <https://www.vilico.vn/thong-tin-khac/>.

VẤN ĐỀ 7: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2024

Căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 và Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán năm 2024, HĐQT kính trình ĐHCĐ thường niên năm 2025 thông qua nội dung phân phối lợi nhuận trong năm 2024 như sau:

- Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm : 364,3 tỷ đồng
- Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm : 395,2 tỷ đồng

Toàn bộ lợi nhuận chưa phân phối tính đến ngày 31/12/2024 sẽ được giữ lại nhằm tăng cường nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư vào các dự án trọng điểm của Công ty. Việc giữ lại lợi nhuận này nhằm đảm bảo Công ty có đủ nguồn lực tài chính để thực hiện các kế hoạch mở rộng, nâng cao năng lực cạnh tranh và tối ưu hóa giá trị cho cổ đông trong dài hạn.

VẤN ĐỀ 8: KẾ HOẠCH DOANH THU, LỢI NHUẬN NĂM 2025

HĐQT kính trình ĐHCĐ phê duyệt kế hoạch kinh doanh hợp nhất năm 2025 của Công ty như sau:

Stt	Các chỉ tiêu chủ yếu (làm tròn tỷ đồng)	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2024	% so với thực hiện 2024
1	Doanh thu thuần	3.339,4	2.957,3	12,9%
2	Lợi nhuận trước thuế	124,7	138,2	-9,8%
3	Lợi nhuận sau thuế	89,5	117,1	-23,5%

VẤN ĐỀ 9: LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP CHO NĂM TÀI CHÍNH 2025

HĐQT kính trình ĐHCĐ thông qua danh sách đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2025 là bốn công ty kiểm toán (Big 4) hoạt động tại Việt Nam gồm:

- Công ty TNHH KPMG Việt Nam (KPMG);



TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP

Trụ sở: Số 519, đường Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Địa chỉ liên lạc: Tầng 14, Tháp A Tòa nhà Handiresco, 521 Kim Mã, Quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 0243 862 1688; Website: www.vilico.vn

Giấy CNĐKDN số 0100104443, do Sở KH và ĐT Tp. Hà Nội cấp lần thứ 12 ngày 16/11/2023.

- Công ty TNHH PwC (Việt Nam) (PwC);
- Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (E&Y);
- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam (Deloitte).

Giao cho HĐQT quyết định lựa chọn một trong bốn công ty kiểm toán nêu trên để thực hiện kiểm toán cho năm tài chính 2025.

VẤN ĐỀ 10: KẾ HOẠCH CHI TRẢ THÙ LAO CHO HĐQT VÀ BKS NĂM 2025

HĐQT kính trình ĐHĐCĐ phê duyệt thù lao cho HĐQT và BKS trong năm 2025 bằng với mức thù lao trong năm 2024. Cụ thể như sau:

- Chủ tịch HĐQT : 10.000.000 đồng/tháng;
- Thành viên HĐQT : 8.000.000 đồng/tháng;
- Trưởng Ban kiểm soát : 8.000.000 đồng/tháng;
- Thành viên Ban kiểm soát : 6.000.000 đồng/tháng.

VẤN ĐỀ 11: BẦU THÀNH VIÊN HĐQT NHIỆM KỲ 2025-2029

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ của Công ty, HĐQT trình ĐHĐCĐ về việc bầu thành viên HĐQT cho nhiệm kỳ mới 2025 – 2029.

Thủ tục đề cử, ứng cử thành viên HĐQT được thực hiện theo Thông báo số 44/TB-HĐQT/2025 ngày 25/03/2025 về việc đề cử, ứng cử ứng viên để bầu làm thành viên HĐQT.

Danh sách các ứng viên và thông tin liên quan đến các ứng viên sẽ được công bố chậm nhất vào ngày 13/04/2025 (10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ) trên website của Công ty.

VẤN ĐỀ 12: BẦU THÀNH VIÊN BKS NHIỆM KỲ 2025-2029

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ của Công ty, Hội đồng Quản trị trình ĐHĐCĐ về việc bầu thành viên BKS cho nhiệm kỳ mới 2025 – 2029.

Thủ tục đề cử, ứng cử thành viên BKS sẽ được thực hiện theo Thông báo số 45/TB-HĐQT/2025 ngày 25/03/2025 về việc đề cử, ứng cử ứng viên để bầu làm thành viên BKS.

Danh sách các ứng viên và thông tin liên quan đến các ứng viên sẽ được công bố chậm nhất vào ngày 13/04/2025 (10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ) trên website của Công ty.



Hội đồng Quản trị
Chủ tịch HĐQT

MAI KIỀU LIÊN

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2025

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2024**
(Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025)

HĐQT Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP (sau đây gọi tắt là “**Vilico**”, “**VLC**” hoặc “**Công ty**”) xin báo cáo với Đại hội về kết quả hoạt động của HĐQT năm 2024 với các nội dung như sau:

1. Về cơ cấu HĐQT

Năm 2024, Hội đồng quản trị các thành viên như sau:

- Bà Mai Kiều Liên : Chủ tịch HĐQT;
- Ông Trịnh Phương Nam : Thành viên HĐQT (đến ngày 23/04/2024);
- Ông Đoàn Quốc Khánh : Thành viên HĐQT (từ ngày 23/04/2024);
- Ông Lê Thành Liêm : Thành viên HĐQT;
- Ông Đỗ Hoàng Phúc : Thành viên HĐQT;
- Ông Nguyễn Hồng Bách : Thành viên độc lập HĐQT.

2. Về thù lao và các lợi ích khác của HĐQT

Thù lao của HĐQT được chi trả trong năm 2024 đã tuân thủ Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2024. Trong đó, Bà Mai Kiều Liên không nhận thù lao trong năm 2024. Thù lao của các thành viên còn như sau:

- Ông Lê Thành Liêm : 8.000.000 đồng/ tháng;
- Ông Trịnh Phương Nam (đến 27/04/2024) : 8.000.000 đồng/ tháng;
- Ông Đoàn Quốc Khánh (từ 27/04/2024) : 8.000.000 đồng/ tháng;
- Ông Đỗ Hoàng Phúc : 8.000.000 đồng/ tháng;
- Ông Nguyễn Hồng Bách : 8.000.000 đồng/ tháng.

Trong năm 2024, Công ty không có phát sinh các lợi ích khác cho HĐQT ngoại trừ chi phí công tác của thành viên HĐQT tham gia các cuộc họp HĐQT và ĐHĐCĐ theo quy định về định mức công tác phí chung của Công ty.

3. Hoạt động của HĐQT

Thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2024, HĐQT và từng thành viên của HĐQT đã thực hiện hoạt động quản trị Công ty theo đúng chức năng, quyền hạn và nhiệm vụ đề ra theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

- Hoạt động của HĐQT trong năm 2024 trọng tâm vào các nội dung sau:
 - Phê duyệt kế hoạch kinh doanh 2024 của Ban Điều hành để trình ĐHĐCĐ thông qua và tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024;
 - Giám sát tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2024;
 - Giám sát hoạt động đầu tư của Vilico vào các công ty con, công ty liên kết, các khoản đầu tư dài hạn khác; giám sát tình hình hợp nhất Báo cáo tài chính theo các quý, bán niên, năm;
 - Xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản trị vận hành, quản trị tài chính, quản trị rủi ro phù hợp với quy mô và mô hình của hệ thống, đảm bảo sự tuân thủ và chuyên nghiệp, tối ưu hóa hoạt động vận hành của Công ty;
 - Khai thác có hiệu quả nguồn lực về đất đai, bất động sản mà Vilico đang quản lý và sử dụng;
 - Phê duyệt các giao dịch, nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- Mọi hoạt động của HĐQT đều được xem xét một cách cẩn trọng, tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định của pháp luật hiện hành cũng như Điều lệ Công ty, đảm bảo tính khách quan, minh bạch trên cơ sở quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm đã được pháp luật quy định, tôn trọng và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông.
- Trong năm 2024, HĐQT đã tiến hành 32 cuộc họp định kỳ và đột xuất, dưới hình thức trực tiếp và trực tuyến, ban hành 34 Nghị quyết/Quyết định về các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Thông tin về các nghị quyết này đã được Công ty công bố thông tin trong Báo cáo quản trị Công ty tại: https://www.vilico.vn/wp-content/uploads/2025/01/VI_BaoCaoQuanTri_2024.pdf. Các cuộc họp HĐQT được tổ chức và tiến hành theo đúng Điều lệ Công ty. Các Biên bản, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT trị được ban hành và lưu giữ theo đúng quy định.

4. Báo cáo tình hình thực hiện các nội dung đã được thông qua tại các nghị quyết ĐHĐCĐ các năm trước nhưng chưa thực hiện xong:

4.1. Báo cáo tình hình thực hiện Điều 12 Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 01/2022/VLC/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/06/2022 “Thông qua việc góp thêm vốn để tăng vốn điều lệ cho Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật – một công ty liên doanh của Công ty và Tập đoàn Sojitz (“JVL”) và thông qua việc chuyển nhượng Dự án Tam Đảo cho JVL:

- a) Về việc tăng phần vốn góp của VLC tại JVL:

- Hoàn thành đăng ký điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư Dự án Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật (JVL), theo đó điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư từ 46 tỷ lên 2.900,3 tỷ với 4 đợt góp vốn và hoàn tất góp vốn vào 30/06/2024. Dự án đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh lần 1 ngày 26/09/2022;
- Hoàn thành đăng ký điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư Dự án Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật (JVL), theo đó điều chỉnh tiến độ góp vốn đợt 3, cụ thể thay đổi thời hạn góp vốn từ “trước 31/12/2023” thành “trước 31/03/2024” và hoàn tất góp vốn vào 30/06/2024. Dự án đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh lần 2 ngày 11/03/2024;
- VLC và Sojitz cũng đã hoàn thành 04 đợt góp vốn, theo đó tăng vốn điều lệ của JVL từ 46 tỷ lên 2.900,3 tỷ đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 4 ngày 26/07/2024.
- Việc điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và góp vốn đều tuân thủ quy định của pháp luật đầu tư và doanh nghiệp.

b) Về Giao dịch chuyển nhượng Dự Án Tam Đảo:

- Ngày 05/09/2022 các bên đã ký kết Thỏa thuận khung về đầu tư việc chuyển nhượng Dự án.
- Ngày 24/09/2024 các bên đã tiến hành ký Thỏa thuận sửa đổi Thỏa thuận khung về đầu tư để bổ sung việc chuyển giao công tác vận hành quản lý hoạt động của từng Khu Nhà máy và Trang trại cho JVL cho tới khi VLC hoàn thành toàn bộ các điều kiện và thủ tục để chuyển nhượng, gồm: các Giấy phép hoạt động và đăng ký ghi nhận tài sản là các công trình xây dựng trên đất tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi hoàn thành thủ tục này, dự án sẽ đủ điều kiện tiến hành chuyển nhượng dự án làm cơ sở triển khai xin phê duyệt của cơ quan quản lý Nhà nước cho thủ tục chuyển nhượng. Dự kiến các thủ tục nêu trên sẽ thực hiện và hoàn thành trong thời gian 18 tháng.

c) Về tiến độ thực hiện Dự Án Tam Đảo:

- Đối với khu A (Nhà xưởng chế biến thịt):
 - o Khối lượng xây dựng cơ bản: hoàn thành 100%.
 - o Việc lắp đặt thiết bị dây truyền máy móc: hoàn thành 100%.
 - o Thủ tục pháp lý xin cấp phép hoạt động: hoàn thành 100%
 - o Chính thức đi vào hoạt động kể từ ngày 17/12/2024.

001
3 CỘ
VƯỜI V
CTC
MUNG

- Đối với khu B (Khu Trang trại chăn nuôi):
 - o Khối lượng xây dựng cơ bản: hoàn thành 100%.
 - o Việc lắp đặt thiết bị dây truyền máy móc: hoàn thành 100%.
 - o Thủ tục pháp lý xin cấp phép hoạt động: đang thực hiện
 - o Dự kiến chính thức đi vào hoạt động kể từ ngày 10/5/2025
- Tổng giá trị hợp đồng đã ký : 1.378 tỷ đồng
- Tổng giá trị đã thanh toán : 1.139 tỷ đồng.

4.2. Báo cáo tình hình thực hiện Điều 13 Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 01/2022/VLC/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/06/2022 “Thông qua việc thực hiện Dự án Nhà máy sữa Hưng Yên”:

- Dự án này đã hoàn thành các thủ tục chuẩn bị đầu tư quan trọng như đã được cấp Quyết định Chủ trương đầu tư; Quy hoạch 1/500; Báo cáo đánh giá tác động môi trường; ký Hợp đồng thuê đất với thời hạn 50 năm; thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi và hồ sơ thiết kế cơ sở Giai đoạn 1 – Phân kỳ 1A.
- Quý II/2025: Hoàn thành trình phê duyệt Phòng cháy chữa cháy Giai đoạn 1 – Phân kỳ 1A.
- Quý III/2025: Hoàn thành Cấp phép xây dựng
- Từ Quý 4/2025: Khởi công xây dựng các hạng mục công trình thuộc Giai đoạn 1 - Phân kỳ 1A.
- 2025-2027: Hoàn thành xây dựng hạng mục công trình giao đoạn 1 - phân kỳ 1A.
- Năm 2028: Đưa toàn bộ phân kỳ 1A đi vào hoạt động.
- Tổng giá trị hợp đồng đã ký (tính đến tháng 2/2025) : 76 tỷ đồng
- Tổng giá trị đã thanh toán (tính đến tháng 2/2025) : 64 tỷ đồng.

Ghi chú: Do điều chỉnh lại sản phẩm chiến lược, dẫn đến một số điều chỉnh về thiết kế mặt bằng, kỹ thuật, phòng cháy chữa cháy; cùng với sự thay đổi cơ cấu, sáp nhập các cơ quan Trung ương, Bộ ngành dẫn đến tiến độ thực hiện dự án bị lùi lại 1 năm.

4.3. Báo cáo tình hình thực hiện Điều 10 Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 01/2023/VLC/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2023 “Kế hoạch chuyển niêm yết và giao dịch cổ phiếu VLC qua Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”)”:

- Với sự ảnh hưởng của thị trường nói chung, một số chỉ tiêu tài chính của Công ty chưa đáp ứng điều kiện theo yêu cầu để chuyển niêm yết HOSE. Công ty sẽ tiếp tục hoàn thiện hồ sơ và thực hiện chuyển sàn ngay khi đủ điều kiện.



5. Báo cáo về giao dịch giữa Công ty với người có liên quan

Các giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của Công ty đã được trình bày và công bố thông tin tại trang 49 của Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2024, cụ thể như sau:

- **Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam**
 - o Chia cổ tức : 87,9 tỷ đồng
- **Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu (“Mộc Châu Milk”)**
 - o Bán hàng hóa, dịch vụ : 0,8 tỷ đồng
 - o Cổ tức được chia : 130,5 tỷ đồng
- **Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật**
 - o Góp vốn : 751,9 tỷ đồng
 - o Nhận tạm ứng về chuyển nhượng dự án : 786,9 tỷ đồng
 - o Bán hàng hóa, dịch vụ : 1,6 tỷ đồng
 - o Mua hàng hóa: : 0,06 tỷ đồng
- **Công ty TNHH Bò sữa Việt Nam**
 - o Mua hàng hóa, dịch vụ, nguyên liệu : 0,08 tỷ đồng
- **Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peterhand Hà Nội**
 - o Cổ tức được chia : 1,8 tỷ đồng

6. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty

6.1. Kết quả kinh doanh năm 2024:

Kết quả kinh doanh năm 2024 của Công ty chủ yếu là từ lãi tiền gửi, thoái vốn khoản đầu tư và cổ tức thu được từ công ty con (Mộc Châu Milk). Trong năm 2024, Công ty nhận được 130,5 tỷ đồng tiền cổ tức từ Mộc Châu Milk. Kết quả kinh doanh năm 2024 cụ thể như sau:

- Công ty mẹ: Doanh thu thuần đạt 5,1 tỷ đồng, cao hơn 30,7% so với năm 2023. Lợi nhuận sau thuế đạt 145,7 tỷ đồng giảm 9,1% so với năm 2023.
- Hợp nhất: Doanh thu thuần đạt 2.957,3 tỷ đồng, giảm 6,2 % so với năm 2023, đạt 86,8% kế hoạch (3.408,9 tỷ đồng). Lợi nhuận sau thuế đạt 117,1 tỷ đồng, giảm 59,5% so với năm 2023, đạt 52,9% so với kế hoạch (221,4 tỷ đồng).

6.2. Kết quả giám sát đối với Ban Điều hành

HĐQT thực hiện việc đánh giá hoạt động và năng lực của Ban Điều hành (“BDH”) dựa trên các tiêu chí sau:

- Thực hiện mục tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh
- Bồn phận chung của Cán bộ quản lý cấp cao, bao gồm:



- (1) Trách nhiệm “cẩn trọng”,
- (2) Trách nhiệm “Trung thực và tránh xung đột lợi ích”,
- (3) Trách nhiệm “Bảo mật thông tin”,
- (4) Bồn phận “Chăm lo và trung thành”.

HĐQT nhận xét rằng BDH Công ty đều có đủ kinh nghiệm và kiến thức liên quan đến lĩnh vực, ngành nghề mà mình phụ trách, có tinh thần trách nhiệm và tinh thần hợp tác tốt, hoàn toàn có thể tiếp tục các nhiệm vụ mà ĐHĐCĐ và HĐQT giao phó.

Tiền lương trung bình của Tổng Giám đốc trong năm 2024 là 54 triệu đồng/ tháng. Còn tiền lương trung bình của người lao động là 19,5 triệu đồng/người/tháng.

Kết quả: Theo đánh giá của HĐQT, BDH đã có sự nỗ lực lớn và thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được giao trong năm 2024, bao gồm cả tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành, điều lệ và quy chế hoạt động của Công ty, cải tiến và kiện toàn hệ thống tổ chức, kiểm soát, và quản lý.

7. Định hướng chiến lược của HĐQT trong tương lai

Định hướng chiến lược của HĐQT trong năm 2025 và thời gian tới như sau:

- Vận hành tốt tổ hợp Nhà máy chế biến thịt bò tại Tam Đảo, Vĩnh Phúc.
- Đẩy nhanh tiến độ các dự án trọng điểm của Công ty nhằm gia tăng hiệu quả khai thác các lô đất hiện có của Công ty đem lại giá trị cho Công ty.
- Tìm kiếm các cơ hội đầu tư khác nhằm gia tăng trị giá cho Công ty và cổ đông.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua ./.



Mai Kiều Liên



**TÔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI
VIỆT NAM – CTCP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

(Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025)

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát (“BKS”) theo các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của BKS, BKS xin báo cáo tình hình hoạt động năm 2024 với các thông tin chính như sau:

1. Hoạt động của BKS

a) Công tác thực hiện nhiệm vụ:

- BKS đã tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng Quản trị (“HDQT”) của Công ty trong năm 2024. Trong đó, BKS đã thảo luận về các điểm cần lưu ý, đề xuất một số khuyến nghị đến BDH của Công ty để nâng cao hiệu quả công tác: quản trị, điều hành doanh nghiệp; quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ; quản lý các dự án đầu tư mà Công ty đang triển khai và đảm bảo hiệu quả công tác quản lý các khoản đầu tư của Công ty tại các công ty con/công ty liên kết.
- Việc kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định, nghị quyết ĐHĐCĐ, luật định và các quy định của Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của HDQT và BDH cũng được BKS nghiêm túc thực hiện, cụ thể:
 - Xem xét tính pháp lý, trình tự ban hành các nghị quyết của HDQT và công bố thông tin theo Luật định.
 - Giám sát, kiểm tra việc triển khai thực hiện các chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 theo nghị quyết của ĐHĐCĐ đối với HDQT và BDH
 - Kiểm tra tính hợp lý, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong việc tổ chức công tác tài chính kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Xem xét báo cáo tài chính năm, 6 tháng đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam và các báo cáo hàng quý của Công ty (bao gồm báo cáo riêng và hợp nhất).
 - Trong năm 2024, BKS chưa ghi nhận trường hợp nào vi phạm quy định về trách nhiệm, nghĩa vụ của người quản lý Công ty.

b) Lương thưởng, thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của BKS trong năm 2024

- Trong năm 2024, BKS của Công ty bao gồm: 3 thành viên.



- Thù lao của Ban kiểm soát được chi trả trong năm 2024 đã tuân thủ Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2024, cụ thể như sau:
 - Bà Hà Thị Diệu Thu (trưởng ban), đến ngày 23/4/2024 : 8.000.000 đồng/ tháng
 - Bà Trần Thái Thoại Trân (trưởng ban), từ ngày 23/4/2024 : 8.000.000 đồng/ tháng
 - Ông Trịnh Công Sơn (thành viên) : 6.000.000 đồng/ tháng
 - Ông Trương Anh Vũ (thành viên) : 6.000.000 đồng/ tháng
- Không có phát sinh lợi ích khác cho Ban kiểm soát trong năm 2024.

2. Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT và Ban Điều hành

a) Hội đồng quản trị

- HĐQT đã thực hiện nghiêm túc và đầy đủ trách nhiệm quản lý, tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 và các quy định liên quan khác.
- Trong năm 2024, HĐQT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ hàng quý theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. HĐQT hoạt động tích cực và hiệu quả, phối hợp chặt chẽ với BĐH trong việc đưa ra các định hướng cũng như giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, nhất là các kiến nghị, đề xuất liên quan đến công tác quản trị, điều hành; công tác triển khai và quản lý dự án.
- Các nghị quyết của HĐQT được ban hành tuân thủ đúng thẩm quyền của HĐQT. Nội dung của các nghị quyết này tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các quy định liên quan khác.

b) Ban điều hành

- Hoạt động điều hành, quản lý:
 - Cùng với BĐH, Tổng Giám Đốc Công ty đã triển khai thực hiện đầy đủ và kịp thời các quyết định, nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty; chủ động lập kế hoạch quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh; phát huy hiệu quả bộ máy tổ chức và quản lý của Công ty
 - BĐH Công ty đã tổ chức các cuộc họp để trao đổi và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty, các công ty con, công ty liên kết. Đồng thời đưa ra những chỉ đạo, chấn chỉnh và biện pháp khắc phục những tồn tại, thiếu sót trong quản lý, vận hành hoạt động kinh doanh của Công ty và các công ty con theo kiến nghị, góp ý của BKS.
- Hoạt động quản lý rủi ro, nổi bật là Rủi ro triển khai dự án chiến lược được theo dõi chặt chẽ, được Ban Giám đốc cập nhật, báo cáo kịp thời đến HĐQT và BKS với kế hoạch ứng phó kịp thời.

3. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Ban Điều hành và cổ đông

- Trong năm 2024, BKS thường xuyên nhận được sự phối hợp chặt chẽ từ phía HĐQT, Tổng Giám Đốc và Ban Giám đốc, và được tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện nhiệm vụ giám sát của mình,

04443
CÔNG
OSI VIỆT
TOP
UNG -

thông qua việc được cung cấp đầy đủ tài liệu, thông tin liên quan đến tình hình quản trị Công Ty, các hoạt động kinh doanh cũng như tình hình tài chính của Công Ty.

- BKS đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Tổng Giám Đốc trong việc tham gia định kỳ các cuộc họp hàng Quý để đảm bảo đưa ra những biện pháp xử lý kịp thời những vấn đề tồn tại nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, đảm bảo tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định hiện hành của pháp luật.

4. Thẩm định báo cáo tài chính năm 2024

- BKS đã xem xét báo cáo tài chính bán niên và năm 2024 đã được soát xét/kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam và thống nhất với các báo cáo này.
- Theo kết luận thẩm định của BKS, báo cáo tài chính riêng của Vilico và báo cáo tài chính hợp nhất của Vilico và Công ty con, đã được phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

5. Kiến nghị và kết luận

a) Kiến nghị: BKS kiến nghị một số nội dung chính sau:

- Tiếp tục và liên tục kiện toàn bộ máy cơ cấu tổ chức, hoàn thiện các quy trình/quy chế/chính sách quản lý nội bộ để nâng cao hiệu quả công tác quản lý, vận hành hoạt động sản xuất – kinh doanh của Công ty.
- Xây dựng nền tảng quản trị rủi ro, cơ chế cảnh báo rủi ro cấp tập đoàn; triển khai đến các cấp trong Công ty, các đơn vị thành viên để áp dụng đồng bộ và nhất quán; duy trì và cải tiến hiệu quả cơ chế kiểm soát hệ thống theo hai cấp (tự kiểm soát & kiểm tra), trong đó, cơ chế tự kiểm soát cần được chú trọng và cải tiến liên tục.
- Những dự án, chiến lược trọng điểm được cần được tiếp tục đẩy mạnh công tác quản lý rủi ro, được tổ chức giám sát chặt chẽ và báo cáo kịp thời đến HĐQT, BKS.

b) Kết luận

Qua công tác giám sát và kiểm tra, BKS ghi nhận các hoạt động của Công ty trong năm 2024 đã tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty, các quy định liên quan và chấp hành đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các Nghị quyết của HĐQT.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét và thông qua.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Trần Thái Thoại Trân



TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VIỆT NAM – CTCP

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Số: 43/QC-HĐQT/2025

TP. Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2025

**QUY CHẾ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CỦA TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP**

Căn cứ:

- (i) Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- (ii) Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11/01/2022, có hiệu lực từ ngày 01/03/2022;
- (iii) Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- (iv) Điều lệ hiện hành của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP (“**Điều lệ**”); và
- (v) Quy chế nội bộ về quản trị công ty hiện hành của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP (“**Quy chế quản trị**”).

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP được tổ chức và thực hiện theo Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 (gọi tắt là “**Quy chế**”) như sau:

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP

Địa chỉ: Số 519, Đường Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: (024) 3 862 6763 Website: www.vilico.vn

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

ĐIỀU 1. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Quy chế này được áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 (gọi tắt là “**ĐHĐCĐ**”) của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP (gọi tắt là “**Công ty**” hoặc “**Vilico**”) bằng hình thức Đại Hội Trực Tuyến (như được định nghĩa tại Khoản 8 Điều 2 dưới đây) và quy định việc Biểu Quyết và Bầu Cử bằng phương thức Bỏ Phiếu Điện Tử (như được định nghĩa tại Khoản 4 Điều 2 dưới đây) của các Cổ Đông tại Đại Hội Trực Tuyến.
2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của Cổ Đông và các bên tham gia Đại Hội Trực Tuyến; điều kiện, thể thức tiến hành Đại Hội Trực Tuyến; cách thức biểu quyết để thông qua nghị quyết về các vấn đề của ĐHĐCĐ và bầu cử thành viên Hội đồng quản trị/Ban Kiểm Soát.
3. Cổ Đông, Người Đại Diện Của Cổ Đông và các bên tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định của Quy chế này.

ĐIỀU 2. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

1. “**Ban tổ chức ĐHĐCĐ**”: là bộ phận được thành lập để phục vụ công tác chuẩn bị và tổ chức Đại Hội Trực Tuyến.
2. “**Bầu Cử**”: là việc Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông thực hiện quyền lựa chọn một hoặc một số ứng viên vào Hội Đồng Quản Trị (gọi tắt là “**HĐQT**”) và Ban Kiểm Soát (gọi tắt là “**BKS**”) của Công ty.
3. “**Biểu Quyết**”: là việc Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông thực hiện quyền cho ý kiến về các nội dung, vấn đề cụ thể thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ.
4. “**Bỏ Phiếu Điện Tử**”: là việc Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông thực hiện việc Biểu Quyết và Bầu Cử thông qua Hệ Thống Trực Tuyến.
5. “**Người Đại Diện Của Cổ Đông**”: là người được Cổ Đông ủy quyền hợp lệ bằng văn bản để tham dự Đại Hội Trực Tuyến và thực hiện Bỏ Phiếu Điện Tử.
6. “**Chương Trình Nghị Sự**”: là các nội dung, vấn đề trong chương trình họp ĐHĐCĐ để Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông thực hiện Biểu Quyết và Bầu Cử.
7. “**Cổ Đông**”: là người sở hữu cổ phần của Vilico, có tên trong danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tính đến ngày đăng ký cuối cùng (ngày 11/03/2025) do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp.



8. **“Đại Hội Trực Tuyến”**: là hình thức tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ có sử dụng phương tiện điện tử để kết nối, truyền tải hình ảnh, âm thanh thông qua môi trường internet, cho phép Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông ở nhiều địa điểm khác nhau có thể tham dự, theo dõi diễn biến của cuộc họp, thảo luận, biểu quyết các vấn đề của cuộc họp và thực hiện bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm Soát.
9. **“Đăng Ký Tham Dự Đại Hội Trực Tuyến”**: là việc Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông đăng nhập vào Hệ Thống Trực Tuyến và thực hiện xác thực tư cách cổ đông để tham dự Đại Hội Trực Tuyến.
10. **“Địa Điểm Tổ Chức Đại Hội Trực Tuyến”**: là địa điểm mà Chủ tọa có mặt để chủ trì Đại Hội Trực Tuyến.
11. **“Hệ Thống Trực Tuyến”**: là tổng hợp cơ sở hạ tầng kỹ thuật (bao gồm nhưng không giới hạn thiết bị phần cứng, ứng dụng, phần mềm/website) được Công ty thiết lập và sử dụng để tổ chức, vận hành Đại Hội Trực Tuyến và tổ chức thực hiện Bỏ Phiếu Điện Tử. Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông có thể truy cập vào Hệ Thống Trực Tuyến để đăng ký tham dự, theo dõi diễn biến, thảo luận, thực hiện Biểu Quyết và Bầu Cử theo hình thức Bỏ Phiếu Điện Tử.
12. **“Thời Điểm Mở Hệ Thống”**: là thời điểm bắt đầu cho phép Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông đăng nhập vào Hệ Thống Trực Tuyến để đăng ký tham dự Đại Hội Trực Tuyến và thực hiện Biểu Quyết và Bầu Cử bằng hình thức Bỏ Phiếu Điện Tử. Hệ Thống Trực Tuyến sẽ được mở chính thức kể từ **8 giờ ngày 21/04/2025** (theo giờ Việt Nam).

CHƯƠNG II

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI TRỰC TUYẾN

ĐIỀU 3. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA CỔ ĐÔNG

1. Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông được tham dự Đại Hội Trực Tuyến, thực hiện Biểu Quyết và Bầu Cử theo quy định của Điều lệ, Quy chế này và hướng dẫn của Ban Tổ Chức ĐHĐCĐ.
2. Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông tham gia Đại Hội Trực Tuyến có quyền phát biểu ý kiến và thảo luận tại ĐHĐCĐ thông qua Hệ Thống Trực Tuyến theo quy định tại Điều 10 của Quy chế này.
3. Cổ Đông được đăng nhập vào Hệ Thống Trực Tuyến, theo dõi diễn biến tại cuộc họp ĐHĐCĐ trên các thiết bị điện tử (ví dụ: máy tính, laptop, điện thoại...) và/hoặc thực hiện Bỏ Phiếu Điện Tử thông qua Hệ Thống Trực Tuyến.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP

Địa chỉ: Số 519, Đường Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: (024) 3 862 6763 Website: www.vilico.vn

1001
VG C
NUÔI
CTC
TRUNG

Trường hợp Cổ Đông ủy quyền cho Người Đại Diện Của Cổ Đông tham dự Đại Hội Trực Tuyến và thực hiện Bỏ Phiếu Điện Tử theo quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế này, sau khi nhận được ủy quyền hợp lệ bằng văn bản, Công ty sẽ cấp quyền để Người Đại Diện Của Cổ Đông có thể truy cập vào Hệ Thống Trực Tuyến và tham dự Đại Hội Trực Tuyến nhân danh Cổ Đông đã thực hiện ủy quyền nói trên.

Cổ Đông đã ủy quyền cho Người Đại Diện Của Cổ Đông tham dự và thực hiện quyền cổ đông tại Đại Hội Trực Tuyến vẫn có thể đăng nhập vào Hệ Thống Trực Tuyến để theo dõi, thảo luận tại Đại Hội Trực Tuyến, tuy nhiên, Cổ Đông đó sẽ không thể thực hiện Bỏ Phiếu Điện Tử. Cổ Đông chịu trách nhiệm hoàn toàn về việc ủy quyền và kết quả Bỏ Phiếu Điện Tử trên Hệ Thống Trực Tuyến của Công ty.

4. Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông có trách nhiệm bảo mật các thông tin cá nhân của mình và các thông tin định danh khác do Công ty cung cấp (như mã xác thực, mã OTP...) để đảm bảo chỉ có Cổ Đông/Người Đại Diện của Cổ Đông mới có thể truy cập vào Hệ Thống Trực Tuyến để tham dự, thảo luận, đóng góp ý kiến và thực hiện Bỏ Phiếu Điện Tử trên Hệ Thống Trực Tuyến.
5. Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông phải tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ, Quy chế này, tuân theo sự điều khiển/điều hành của Chủ tọa trong suốt thời gian diễn ra cuộc họp và tôn trọng kết quả của Đại Hội Trực Tuyến. Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông không được gây rối hoặc gây mất trật tự trong suốt quá trình diễn ra Đại Hội Trực Tuyến.

ĐIỀU 4. ĐOÀN CHỦ TỌA

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa của Đại Hội Trực Tuyến ("**Chủ tọa**"), với sự hỗ trợ của một số thành viên Hội đồng quản trị (theo đề nghị của Chủ tọa) để cùng tham gia điều hành Đại Hội Trực Tuyến (gọi là "**Đoàn Chủ tọa**").
2. Các thành viên trong Đoàn Chủ tọa tuân theo sự chỉ đạo/điều hành chính của Chủ tọa trong việc bàn bạc, thảo luận các vấn đề liên quan đến việc điều hành Đại Hội Trực Tuyến. Trong mọi trường hợp, quyết định của Chủ tọa là quyết định cuối cùng.
3. Đoàn Chủ tọa hỗ trợ Chủ tọa điều hành Đại Hội Trực Tuyến theo đúng quy định tại Quy chế này và nội dung Chương Trình Nghị Sự đã được ĐHĐCĐ thông qua.
4. Đoàn Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để có thể điều khiển Đại Hội Trực Tuyến một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

ĐIỀU 5. BAN THƯ KÝ

1. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm Thư ký của Đại Hội Trực Tuyến (“**Ban Thư ký**”).
2. Ban Thư ký thực hiện các công việc sau:
 - a) Tiếp nhận, tổng hợp các ý kiến của Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông trong suốt quá trình diễn ra Đại Hội Trực Tuyến và chuyển cho Đoàn Chủ tọa;
 - b) Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ diễn biến của Đại Hội Trực Tuyến và những vấn đề đã được các Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại Hội Trực Tuyến;
 - c) Soạn thảo nội dung biên bản họp và nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại Hội Trực Tuyến;
 - d) Thực hiện các công việc khác theo phân công của Chủ tọa liên quan đến Đại Hội Trực Tuyến.

ĐIỀU 6. BAN KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG

Ban Kiểm tra tư cách cổ đông là bộ phận giúp việc của Ban tổ chức ĐHĐCĐ. Số lượng và thành phần Ban Kiểm tra tư cách cổ đông do Ban tổ chức ĐHĐCĐ quyết định.

Ban Kiểm tra tư cách cổ đông có trách nhiệm:

- a) Kiểm tra các giấy ủy quyền của Cổ Đông gửi về cho Công ty;
- b) Kiểm tra tư cách của Cổ Đông và Người Đại Diện Của Cổ Đông tham dự Đại Hội Trực Tuyến theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định của Quy chế này; và
- c) Trưởng Ban Kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo trước ĐHĐCĐ về số lượng Cổ Đông tham dự Đại Hội Trực Tuyến và tuyên bố khai mạc Đại Hội Trực Tuyến khi đáp ứng điều kiện nêu tại Khoản 1 Điều 9 của Quy chế này.

ĐIỀU 7. BAN KIỂM PHIẾU

1. Ban Kiểm phiếu gồm ba (03) người, bao gồm một (01) Trưởng ban và hai (02) thành viên do Chủ tọa giới thiệu và được Cổ Đông thông qua.
2. Ban Kiểm phiếu có các quyền và nghĩa vụ như sau:
 - a) Hướng dẫn cho Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông cách thức thực hiện việc Biểu Quyết và Bầu Cử tại Đại Hội Trực Tuyến bằng hình thức Bỏ Phiếu Trực Tuyến;
 - b) Tiến hành kiểm phiếu Biểu Quyết và phiếu Bầu Cử;



- c) Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu trước ĐHĐCĐ;
- d) Chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của kết quả kiểm phiếu.

CHƯƠNG III

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI TRỰC TUYẾN VÀ THỰC HIỆN BỎ PHIẾU ĐIỆN TỬ

ĐIỀU 8. ĐĂNG KÝ THAM DỰ ĐẠI HỘI TRỰC TUYẾN

1. Cổ Đông sẽ thực hiện đăng ký tham dự Đại Hội Trực Tuyến theo Tài Liệu Hướng Dẫn được đăng tải trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty tại địa chỉ: <https://www.vilico.vn/>
2. Ủy quyền tham dự Đại Hội Trực Tuyến:
 - a) Cổ Đông có thể ủy quyền toàn bộ hoặc một phần số cổ phần có quyền biểu quyết của mình cho cá nhân hoặc tổ chức khác ("**Người Đại Diện Của Cổ Đông**") thay mặt Cổ Đông tham dự Đại Hội Trực Tuyến và/hoặc thực hiện Bỏ Phiếu Điện Tử.
 - b) Việc ủy quyền được xem là hợp lệ và có giá trị pháp lý khi thỏa mãn các điều kiện sau:
 - (i) Cổ đông chưa truy cập và thực hiện việc Biểu Quyết và/hoặc Bầu Cử trên Hệ Thống Trực Tuyến của Công ty.
 - (ii) Việc ủy quyền phải được lập bằng văn bản ủy quyền (có thể theo mẫu giấy ủy quyền của Công ty hoặc do Cổ Đông tự lập), trong đó phải ghi rõ thông tin của cá nhân/tổ chức được Cổ Đông ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, được ký và đóng dấu (nếu có) bởi bên ủy quyền và bên nhận ủy quyền.
 - (iii) Công ty nhận được văn bản ủy quyền hợp lệ không trễ hơn ngày 22/04/2025. Văn bản ủy quyền có thể được gửi cho Công ty bằng thư điện tử (email), bằng đường bưu điện hoặc dịch vụ chuyển phát có bảo đảm.
 - c) Hủy bỏ ủy quyền: Trường hợp Cổ Đông muốn hủy bỏ việc ủy quyền hợp lệ trước đó, Cổ Đông phải gửi văn bản thông báo cho Công ty (giao trực tiếp, gửi bằng email, bằng đường bưu điện hoặc dịch vụ chuyển phát có bảo đảm) **không trễ hơn ngày 22/04/2025**. Việc hủy bỏ ủy quyền có hiệu lực kể từ thời điểm Công ty nhận được đề nghị bằng văn bản hợp lệ của Cổ Đông.
3. Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông truy cập vào đường dẫn (link) được Công ty công bố để xác thực tư cách cổ đông, tham dự Đại Hội Trực Tuyến và thực hiện Bỏ Phiếu Điện Tử.

ĐIỀU 9. KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG VÀ ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI TRỰC TUYẾN

1. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông căn cứ vào:
 - (1) Số Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông đã thực hiện Bỏ Phiếu Điện Tử trên Hệ Thống Trực Tuyến trong khoảng thời gian từ Thời Điểm Mở Hệ Thống đến thời điểm dự kiến khai mạc cuộc họp (**13 giờ 30 phút ngày 23/04/2025**); và
 - (2) Số Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông đăng nhập thành công vào Hệ Thống Trực Tuyến từ **12 giờ 00 đến 13 giờ 30 phút ngày 23/04/2025** để đăng ký tham dự Đại Hội Trực Tuyến.

để làm cơ sở xác định tổng số Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông tham dự Đại Hội Trực Tuyến tại thời điểm khai mạc cuộc họp, qua đó xác định tổng số cổ phần mà họ sở hữu và/hoặc đại diện để làm cơ sở xác định đủ điều kiện khai mạc Đại Hội Trực Tuyến theo quy định tại Khoản 3 Điều 9 của Quy chế này.
2. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo trước ĐHĐCĐ về số lượng Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông tham dự, tổng số cổ phần mà các Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông tham dự Đại Hội Trực Tuyến sở hữu và/hoặc đại diện, và tỷ lệ tham dự tại thời điểm khai mạc để xác định đủ điều kiện tiến hành Đại Hội Trực Tuyến.
3. Đại Hội Trực Tuyến được tiến hành khi có số Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông dự họp đại diện cho ít nhất 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty (theo danh sách cổ đông tính đến ngày đăng ký cuối cùng là ngày 11/03/2025 do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp).

ĐIỀU 10. THẢO LUẬN TẠI ĐẠI HỘI TRỰC TUYẾN

1. Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông thực hiện thảo luận theo hướng dẫn của Chủ tọa trong quá trình diễn ra Đại Hội Trực Tuyến.
2. Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông có thể thảo luận tại Đại Hội Trực Tuyến bằng cách phát biểu trực tiếp hoặc gửi câu hỏi/ý kiến cho Đoàn Chủ tọa thông qua Hệ Thống Trực Tuyến. Ban Thư ký có trách nhiệm tổng hợp và tóm tắt câu hỏi, ý kiến của Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông và chuyển cho Đoàn Chủ tọa.
3. Việc thảo luận và giải đáp câu hỏi, thắc mắc của Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông được thực hiện theo nguyên tắc và cách thức như sau:

- a) Chủ tọa căn cứ thời gian chương trình cuộc họp để bố trí, sắp xếp việc phát biểu của Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông.
- b) Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông cần phát biểu ngắn gọn, phù hợp với những nội dung của Chương Trình Nghị Sự. Chủ tọa có quyền loại các câu hỏi ra khỏi nội dung thảo luận và/hoặc dừng việc phát biểu của Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông nếu nhận thấy câu hỏi hay việc thảo luận đó trùng lặp hoặc không liên quan đến nội dung Chương Trình Nghị Sự.
- c) Trong trường hợp việc thảo luận vượt quá thời gian của chương trình họp, các câu hỏi chưa được trả lời tại Đại Hội Trục Tuyển sẽ được Ban Thư ký ghi nhận và Đoàn Chủ tọa có thể trả lời sau cho Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông bằng email hoặc theo các hình thức khác phù hợp với quy định của Điều lệ và quy định của pháp luật.

ĐIỀU 11. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ CỦA ĐẠI HỘI TRỰC TUYẾN

- 1. Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông thực hiện quyền biểu quyết tại Đại Hội Trục Tuyển thông qua hình thức Bỏ Phiếu Điện Tử theo quy định tại Quy chế này.
- 2. Các Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông thực hiện quyền biểu quyết trên Hệ Thống Trục Tuyển mà Công ty đã thiết lập.
- 3. Thời điểm biểu quyết:
Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông có thể thực hiện biểu quyết vào các thời điểm sau đây:
 - (i) từ Thời Điểm Mở Hệ Thống Trục Tuyển đến trước thời điểm khai mạc Đại Hội Trục Tuyển; và/hoặc
 - (ii) trực tiếp tại Đại Hội Trục Tuyển (bắt đầu từ thời điểm khai mạc và theo diễn biến của Đại Hội Trục Tuyển).
- 4. Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông đã thực hiện Bỏ Phiếu Điện Tử vẫn có thể thay đổi ý kiến biểu quyết nhưng việc thay đổi này phải thực hiện trước thời điểm kết thúc Bỏ Phiếu Điện Tử. Kể từ thời điểm kết thúc Bỏ Phiếu Điện Tử trở đi, việc bỏ phiếu trên Hệ Thống Trục Tuyển sẽ bị đóng, và Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông không có quyền thay đổi bất cứ nội dung nào đã bỏ phiếu. Công ty sẽ ghi nhận kết quả biểu quyết sau cùng của Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông trên Hệ Thống Trục Tuyển.
 - a) Thời gian thực hiện biểu quyết đối với các vấn đề của Chương Trình Nghị Sự tại Hội Nghị Trục Tuyển sẽ được Chủ Tọa thông báo. Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông phải đảm bảo thực hiện việc biểu quyết trước khi kết thúc thời hạn này.

- b) Cổ Đông hoặc Người Đại Diện Của Cổ Đông tham dự Đại Hội Trực Tuyến sau khi cuộc họp khai mạc thì vẫn có quyền tham gia biểu quyết. Trong trường hợp này hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó sẽ không bị thay đổi.

5. Thực hiện Biểu Quyết:

- a) Sau khi đăng nhập thành công vào Hệ Thống Trực Tuyến, Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông có thể thực hiện biểu quyết các nội dung của Chương Trình Nghị Sự bằng Bỏ Phiếu Điện Tử.

- b) Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông thực hiện biểu quyết bằng cách đánh dấu chọn vào một (01) trong ba (03) ô tương ứng **“Tán thành”**, **“Không tán thành”**, **“Không ý kiến”** đối với từng nội dung cần biểu quyết.

Các kết quả biểu quyết chỉ được tính khi Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông hoàn tất việc biểu quyết đối với tất cả các vấn đề của Chương Trình Nghị Sự và thực hiện gửi kết quả biểu quyết thông qua Hệ Thống Trực Tuyến.

- c) Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông khi gặp vấn đề, sự cố về việc Bỏ Phiếu Điện Tử trên Hệ thống Trực Tuyến có thể liên hệ về số hotline theo thông báo của Ban Tổ Chức ĐHĐCĐ để được hướng dẫn, hỗ trợ hoàn thành việc bỏ phiếu.

4. Kết Quả Kiểm Phiếu

- a) Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm kiểm tra kết quả Bỏ Phiếu Điện Tử để tổng hợp kết quả biểu quyết của tất cả Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông tham dự và biểu quyết tại Đại Hội Trực Tuyến.

- b) Kết quả biểu quyết sẽ được xác định theo từng vấn đề biểu quyết và được tính theo tỷ lệ phần trăm (%) làm tròn đến hai (02) chữ số thập phân.

- c) Kết quả biểu quyết được Ban Kiểm phiếu ghi nhận trong Biên bản kiểm phiếu và công bố ngay tại Đại Hội Trực Tuyến. Biên bản kiểm phiếu được các thành viên của Ban kiểm phiếu ký để xác nhận về tính chính xác, minh bạch và đúng các nguyên tắc, trình tự kiểm phiếu.

- d) Biên bản kiểm phiếu phải ghi rõ các nội dung sau:

- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả các Cổ Đông đã tham dự và thực hiện biểu quyết tại Đại Hội Trực Tuyến;
- Tổng số cổ phần chọn **“Tán thành”**, **“Không tán thành”** và **“Không có ý kiến”** đối với từng vấn đề biểu quyết và tỷ lệ phần trăm (%) tương ứng trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ Đông tham dự và biểu quyết tại Đại Hội Trực Tuyến; và
- Các vấn đề đã được ĐHĐCĐ thông qua.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP

Địa chỉ: Số 519, Đường Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (024) 3 862 6763 Website: www.vilico.vn

00
3 C
100
CTC
1000

ĐIỀU 12. BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

1. Nguyên tắc bầu thành viên HĐQT/BKS:

- a) Việc bầu thành viên HĐQT/BKS được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ Đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết sở hữu nhân với tổng số thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS (tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2025, tổng số thành viên HĐQT cần bầu là năm (05) thành viên, tổng số thành viên BKS cần bầu là ba (03) thành viên).

Ví dụ: Cổ Đông Nguyễn Văn A có 10.000 cổ phần có quyền biểu quyết. Tổng số phiếu bầu của Cổ Đông Nguyễn Văn A là 50.000 cho việc bầu cử thành viên HĐQT và 30.000 cho việc bầu cử thành viên BKS.

- b) Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông sẽ thực hiện việc bầu thành viên HĐQT/BKS thông qua Hệ Thống Trực Tuyển bằng cách Bỏ Phiếu Điện Tử.

Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông có thể (1) dồn toàn bộ tổng số phiếu bầu của mình cho một ứng viên cụ thể; hoặc (2) phân phối số phiếu bầu của mình cho các ứng viên được chọn theo từng số phiếu cụ thể; hoặc (3) phân phối đều cho các ứng viên được chọn. Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông cũng có thể phân phối một phần tổng số phiếu bầu cử của mình cho một hoặc một số ứng viên, phần phiếu bầu còn lại có thể không bầu cho bất kỳ ứng viên nào khác. Các Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông thực hiện việc phân phối phiếu bầu của mình cho ứng viên theo các hướng dẫn được mô tả trên Hệ Thống Trực Tuyển và/hoặc bởi Trường Ban Kiểm Phiếu.

2. Nguyên tắc xác định kết quả bầu cử: Ban Tổ Chức ĐHĐCĐ sẽ dựa vào số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp để xác định ứng viên trúng cử vị trí thành viên HĐQT/BKS, bắt đầu từ ứng viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên HĐQT/BKS cần bầu và phải đảm bảo đáp ứng số lượng tối thiểu thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ. Ứng viên trúng cử thành viên HĐQT/BKS phải có ít nhất một (01) phiếu bầu.

Theo đó, Các ứng viên độc lập sẽ được chọn trước (tính theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp riêng cho các ứng viên độc lập). Sau khi đã đạt số lượng tối thiểu thành viên độc lập theo quy định (tối thiểu 1 người), việc chọn các thành viên còn lại của HĐQT sẽ được xác định theo nguyên tắc đề cập bên trên.

3. Trường hợp có từ hai (02) ứng viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho vị trí thành viên cuối cùng của HĐQT:

- (i) Nếu các ứng viên đó đồng thời là Cổ Đông thì ứng viên nào nắm giữ nhiều cổ phần hơn sẽ ưu tiên được chọn.

- (ii) Nếu các ứng viên không phải là Cổ Đông thì ứng viên nào có số nhiệm kỳ làm thành viên HĐQT nhiều hơn sẽ ưu tiên được chọn. Trong trường hợp có cùng số nhiệm kỳ thì người có số năm đảm nhiệm chức vụ thành viên HĐQT lâu hơn sẽ được chọn.
 - (iii) Trường hợp không thể chọn được ứng cử viên theo các tiêu chí (i) và (ii) nêu trên, ĐHĐCĐ sẽ tiến hành bầu lại các ứng viên có số phiếu bầu ngang nhau để chọn ứng viên có số phiếu bầu cao nhất để trở thành thành viên HĐQT cuối cùng.
4. Trường hợp có từ hai (02) ứng viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho vị trí thành viên cuối cùng của BKS:
- (i) Ứng viên nào có số nhiệm kỳ làm thành viên BKS nhiều hơn sẽ ưu tiên được chọn. Trong trường hợp có cùng số nhiệm kỳ thì người có số năm đảm nhiệm chức vụ thành viên BKS lâu hơn sẽ được chọn.
 - (ii) Trường hợp không thể chọn được ứng cử viên theo các tiêu chí (i) nêu trên, ĐHĐCĐ sẽ tiến hành bầu lại các ứng viên có số phiếu bầu ngang nhau để chọn ứng viên có số phiếu bầu cao nhất để trở thành thành viên BKS cuối cùng.
5. Thời điểm thực hiện bầu cử:
- Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông có thể thực hiện bầu cử:
- (i) từ Thời Điểm Mở Hệ Thống Trực Tuyến đến trước thời điểm khai mạc Đại Hội Trực Tuyến; hoặc
 - (ii) trực tiếp tại Đại Hội Trực Tuyến (bắt đầu từ thời điểm khai mạc cuộc họp cho đến khi kết thúc phiên bầu cử theo thông báo của Chủ Tọa).
6. Kiểm tra và thông báo kết quả bầu cử:
- a) Ban Kiểm Phiếu có trách nhiệm tổng hợp kết quả bầu cử và lập thành Biên bản kiểm phiếu bầu cử. Biên bản kiểm phiếu bầu cử được các thành viên của Ban Kiểm Phiếu ký xác nhận về tính chính xác, minh bạch và đúng các nguyên tắc, trình tự kiểm phiếu.
Biên bản kiểm phiếu bầu cử phải ghi rõ các nội dung sau:
 - Tên và tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên.
 - Thông tin thành viên HĐQT và thành viên BKS đã trúng cử.
 - b) Trưởng Ban kiểm phiếu thay mặt Chủ tọa công bố kết quả bầu cử trước ĐHĐCĐ.

ĐIỀU 13. THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT CỦA ĐHĐCĐ

Tỷ lệ biểu quyết để thông qua các nội dung của Chương Trình Nghị Sự được thực hiện theo quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty.

ĐIỀU 14. BIÊN BẢN ĐẠI HỘI

1. Tất cả các nội dung tại Đại Hội Trục Tuyển phải được Thư ký ghi vào Biên bản họp.
2. Biên bản họp phải được công bố trước ĐHĐCĐ và được ĐHĐCĐ thông qua trước khi bế mạc.

CHƯƠNG IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

ĐIỀU 15. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày được Chủ tịch Hội đồng quản trị ký ban hành và được áp dụng tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP tổ chức vào ngày 23/04/2025.



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

MAI KIỀU LIÊN

Chủ tịch



Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2024



Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thông tin về Tổng Công ty

Các văn bản thành lập

Quyết định số 862 NN-TCCB/QĐ ngày 21 tháng 6 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn trên cơ sở sắp xếp lại các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Tổng Công ty được chuyển đổi thành Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP theo Quyết định số 1893/QĐ-TTg ngày 14 tháng 12 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100104443 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30 tháng 6 năm 2010. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất (lần thứ 12) là ngày 16 tháng 11 năm 2023.

Hội đồng Quản trị

Bà Mai Kiều Liên
Ông Nguyễn Hồng Bách
Ông Lê Thành Liêm
Ông Đỗ Hoàng Phúc
Ông Đoàn Quốc Khánh
Ông Trịnh Phương Nam

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên (từ ngày 23/4/2024)
Thành viên (đến ngày 23/4/2024)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đoàn Quốc Khánh
Ông Nguyễn Đức Nam
Ông Trần Chí Sơn
Bà Phạm Ngọc Trâm

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/3/2024)
Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 1/3/2024)
Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/10/2024)

Ban Kiểm soát

Bà Trần Thái Thoại Trân
Bà Hà Thị Diệu Thu
Ông Trịnh Công Sơn
Ông Trương Anh Vũ

Trưởng ban (từ ngày 23/4/2024)
Trưởng Ban (đến ngày 23/4/2024)
Thành viên
Thành viên

Trụ sở đăng ký

519 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 50 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Đoàn Quốc Khánh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2025

123456789101112



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 20 tháng 3 năm 2025, được trình bày từ trang 5 đến trang 50.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 22-02-00143-25-2



Phạm Thị Thủy Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3065-2024-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Phan Mỹ Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3064-2024-007-1

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2025

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		4.077.377.193.831	4.395.841.797.909
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	420.708.312.481	1.333.640.975.908
Tiền	111		80.708.312.481	165.271.086.233
Các khoản tương đương tiền	112		340.000.000.000	1.168.369.889.675
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.989.300.000.000	2.212.175.239.600
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	2.989.300.000.000	2.212.175.239.600
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		360.531.392.858	565.559.399.399
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	212.957.874.264	209.426.858.305
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	55.078.818.716	199.127.134.212
Phải thu ngắn hạn khác	136	8(a)	98.189.135.545	161.105.281.882
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(5.694.435.667)	(4.099.875.000)
Hàng tồn kho	140	10	259.498.755.477	210.159.908.095
Hàng tồn kho	141		264.793.078.934	213.712.842.801
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5.294.323.457)	(3.552.934.706)
Tài sản ngắn hạn khác	150		47.338.733.015	74.306.274.907
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15(a)	10.121.406.212	8.294.069.928
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		13.599.703.345	24.173.581.908
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	19(a)	23.617.623.458	41.838.623.071

Hàng tồn kho

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		2.738.207.494.178	1.518.694.296.782
Các khoản phải thu dài hạn khác	210		635.015.165	309.215.750
Phải thu dài hạn khác	216	8(b)	635.015.165	309.215.750
Tài sản cố định	220		1.481.985.359.926	940.851.444.594
Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.074.641.512.241	498.591.750.755
Nguyên giá	222		2.083.591.673.878	1.446.050.755.948
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.008.950.161.637)	(947.459.005.193)
Tài sản cố định vô hình	227	12	407.343.847.685	442.259.693.839
Nguyên giá	228		695.143.808.579	694.627.026.579
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(287.799.960.894)	(252.367.332.740)
Tài sản dở dang dài hạn	240		884.968.336.598	239.769.884.354
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	13	20.571.420.405	11.324.330.731
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	864.396.916.193	228.445.553.623
Đầu tư tài chính dài hạn	250		252.487.650.621	180.672.273.260
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	5(b)	172.403.931.021	173.121.453.660
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5(c)	22.378.531.927	29.845.631.927
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5(c)	(22.294.812.327)	(22.294.812.327)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5(a)	80.000.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	260		118.131.131.868	157.091.478.824
Chi phí trả trước dài hạn	261	15(b)	25.946.388.259	18.814.363.410
Lợi thế thương mại	269	17	92.184.743.609	138.277.115.414
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		6.815.584.688.009	5.914.536.094.691

S.D.A. T. NAM

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		807.906.907.427	507.288.445.735
Nợ ngắn hạn	310		698.534.532.775	383.348.951.078
Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	381.625.195.442	153.446.507.473
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4.698.071.846	2.253.225.266
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19(b)	9.661.048.509	3.221.153.642
Phải trả người lao động	314		23.294.510.881	20.834.169.802
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	98.563.294.515	86.962.286.651
Phải trả ngắn hạn khác	319	21(a)	6.352.960.875	22.519.295.983
Vay ngắn hạn	320	22	99.000.000.000	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		2.461.920.000	2.232.994.560
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	23	72.877.530.707	91.879.317.701
Nợ dài hạn	330		109.372.374.652	123.939.494.657
Phải trả dài hạn khác	337	21(b)	722.927.552	1.063.378.252
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	16(a)	105.494.756.743	119.587.417.399
Dự phòng phải trả dài hạn	342		3.154.690.357	3.288.699.006
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		6.007.677.780.582	5.407.247.648.956
Vốn chủ sở hữu	410	24	6.007.677.780.582	5.407.247.648.956
Vốn cổ phần	411	25	2.124.916.110.000	2.124.916.110.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.124.916.110.000	2.124.916.110.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		1.192.426.603.378	1.192.426.603.378
Vốn khác của chủ sở hữu	414		37.813.265.256	37.813.265.256
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(64.809.947.101)	(64.809.947.101)
Quỹ đầu tư phát triển	418	27	116.421.721.734	132.180.196.331
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		122.473.412.211	368.973.120.483
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		81.379.034.433	280.414.103.359
- LNST năm nay	421b		41.094.377.778	88.559.017.124
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.478.436.615.104	1.615.748.300.609
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		6.815.584.688.009	5.914.536.094.691

Ngày 20 tháng 3 năm 2025

Người lập:

Hoàng Mạnh Cường
Kế toán trưởng

Người soát xét:

Nguyễn Đức Nam
Phó Tổng Giám đốc

Người duyệt:

Đoàn Quốc Khánh
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024****Mẫu B 02 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	29	2.959.887.011.881	3.154.135.415.593
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	29	2.553.967.539	2.130.324.193
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	29	2.957.333.044.342	3.152.005.091.400
Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp	11	30	2.187.391.794.409	2.205.689.908.842
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		769.941.249.933	946.315.182.558
Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	210.038.846.800	266.335.775.571
Chi phí tài chính	22		1.964.157.193	951.991.578
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1.732.481.808	-
Phân lãi/(lỗ) trong công ty liên kết	24		1.082.477.361	(13.370.328.202)
Chi phí bán hàng	25	32	680.453.920.008	725.680.456.134
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	155.092.466.161	143.451.212.742
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		143.552.030.732	329.196.969.473
Thu nhập khác	31	34	16.343.611.016	17.468.070.584
Chi phí khác	32	35	21.686.813.485	19.361.117.580
Lỗ khác (40 = 31 - 32)	40		(5.343.202.469)	(1.893.046.996)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		138.208.828.263	327.303.922.477
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	37	35.251.255.464	51.858.741.460
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	37	(14.092.660.655)	(13.662.933.640)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (chuyển sang trang sau)	60		117.050.233.454	289.108.114.657

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**
(tiếp theo)**Mẫu B 02 – DN/HN**(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang từ trang trước)	60		117.050.233.454	289.108.114.657
Phân bổ cho:				
Cổ đông phổ thông của Công ty mẹ	61		54.135.679.570	156.602.643.769
Cổ đông không kiểm soát	62		62.914.553.884	132.505.470.888
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	38	193	689

Ngày 20 tháng 3 năm 2025

Người lập:

Hoàng Mạnh Cường
Kế toán trưởng

Người soát xét:

Nguyễn Đức Nam
Phó Tổng Giám đốc

Người duyệt:

Đoàn Quốc Khánh
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2024 VND	2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	138.208.828.263	327.303.922.477
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao	02	180.886.217.046	175.599.324.268
Các khoản dự phòng	03	3.430.866.209	2.130.139.130
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	106.030.447	403.325
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(198.013.183.510)	(239.133.935.829)
Chi phí lãi vay	06	1.732.481.808	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	126.351.240.263	265.899.853.371
Biến động các khoản phải thu	09	8.206.682.156	(33.273.381.650)
Biến động hàng tồn kho	10	(49.550.236.133)	(1.937.125.386)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	143.190.798.850	68.407.160.998
Biến động chi phí trả trước	12	(12.399.878.389)	(10.643.292.041)
		215.798.606.747	288.453.215.292
Tiền lãi vay đã trả	14	(577.078.077)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(19.648.192.531)	(64.871.125.625)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	3.300.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(40.993.864.222)	(27.847.536.691)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	154.579.471.917	195.737.852.976
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(1.076.018.999.646)	(388.846.099.123)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	7.510.976.553	3.593.995.046
Tiền chi cho tiền gửi có kỳ hạn và ứng vốn đầu tư cho các hộ nông dân	23	(4.479.400.000.000)	(3.423.910.239.600)
Tiền thu từ rút tiền gửi có kỳ hạn và nhận lại ứng vốn đầu tư	24	3.623.063.539.600	3.280.932.064.438
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	23.334.764.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	229.570.622.349	215.804.258.930
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.671.939.097.144)	(312.426.020.309)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2024 VND	2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	722.407.000.000	899.515.232.000
Tiền thu từ đi vay		129.000.000.000	
Tiền trả nợ gốc vay	33	(30.000.000.000)	-
Tiền trả cổ tức	36	(216.980.038.200)	(192.950.510.700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	604.426.961.800	706.564.721.300
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(912.932.663.427)	589.876.553.967
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	1.333.640.975.908	743.764.825.266
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(403.325)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)	70	420.708.312.481	1.333.640.975.908

Ngày 20 tháng 3 năm 2025

Người lập:



Hoàng Mạnh Cường
Kế toán trưởng

Người soát xét:



Nguyễn Đức Nam
Phó Tổng Giám đốc

Người duyệt:



Đoàn Quốc Khánh
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (“Tổng Công ty” hoặc “VLC”) tiền thân là Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, được thành lập theo Quyết định số 862 NN-TCCB/QĐ ngày 21 tháng 6 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn trên cơ sở sắp xếp lại các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Tổng Công ty được chuyển đổi thành Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP theo Quyết định số 1893/QĐ-TTg ngày 14 tháng 12 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100104443 đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 6 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 16 tháng 11 năm 2023.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 bao gồm Tổng Công ty và các công ty con, và các lợi ích của Tổng Công ty và các công ty con trong các công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con là:

- Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò;
- Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn;
- Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; và
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tổng Công ty có 2 công ty con và 5 công ty liên kết (1/1/2024: 2 công ty con và 5 công ty liên kết) như sau:

STT	Tên Công ty	Hoạt động chính	Địa chỉ	31/12/2024		1/1/2024	
				Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Tỷ lệ % sở hữu
Công ty con							
1	Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu (“MCM”)	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	Tỉnh Sơn La	59,30%	59,30%	59,30%	59,30%
2	Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật (“JVL”)	Sản xuất, chăn nuôi, chế biến và kinh doanh các sản phẩm từ bò	Hà Nội	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty liên kết							
1	Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội	Sản xuất, cung ứng các sản phẩm premix phục vụ hoạt động chăn nuôi	Hà Nội	36,00%	36,00%	36,00%	36,00%
2	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Súc sản Gia cầm Hải Phòng	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt; dịch vụ hỗ trợ cho vận tải	Hải Phòng	30,00%	30,00%	30,00%	30,00%
3	Tổng Công ty Chè Việt Nam – CTCP (*)	Kinh doanh, sản xuất chè	Hà Nội	16,23%	16,23%	16,23%	16,23%
4	Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng	Chế biến rượu các loại, nhân điều xuất khẩu và các loại nông thực phẩm	Tỉnh Lâm Đồng	38,30%	38,30%	38,30%	38,30%
5	Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung	Sản xuất ống nhựa, và các sản phẩm từ plastic	Tỉnh Quảng Nam	40,06%	40,06%	40,06%	40,06%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tổng Công ty và các công ty con có 960 nhân viên (1/1/2024: 866 nhân viên).

(*) Tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty tại Tổng Công ty Chè Việt Nam – CTCP dưới 20%. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tổng Công ty Chè Việt Nam – CTCP thông qua việc Tổng Công ty có thành viên Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty là Thành viên Hội đồng Quản trị của công ty này. Do đó, khoản đầu tư vào Tổng Công ty Chè Việt Nam – CTCP được trình bày trên khoản mục Đầu tư vào công ty liên kết.

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính. Toàn bộ các số liệu được trình bày bằng VND, trừ khi được ghi chú khác.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tổng Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(iii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tổng Công ty được hưởng trong lãi hoặc lỗ của các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các công ty này. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong đơn vị nhận đầu tư phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của đơn vị nhận đầu tư mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tổng Công ty phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Tổng Công ty trong công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ Tổng Công ty và các công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng Công ty tại công ty liên kết.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND tương ứng theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tổng Công ty hoặc công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Gia súc

Gia súc được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của gia súc bao gồm tất cả các chi phí thực tế và các chi phí liên quan trực tiếp đã phát sinh để hình thành và nuôi lớn gia súc cho đến khi đưa gia súc đến trạng thái hoạt động cho mục đích sản xuất đã dự kiến (khi gia súc đạt đủ 16 tháng tuổi).



Tài sản cố định hữu hình khác

Tài sản cố định hữu hình khác được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình khác bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình khác đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình khác vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình khác.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	4 – 30 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 8 năm
▪ gia súc	4 – 7 năm
▪ tài sản khác	3 – 8 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Lợi thế quyền thuê đất, lợi thế thương hiệu và lợi thế vùng nguyên liệu

Lợi thế quyền thuê đất, lợi thế thương hiệu và lợi thế vùng nguyên liệu là các tài sản cố định vô hình mà Tổng Công ty có được từ việc mua lại các công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý tại thời điểm Tổng Công ty mua các công ty con.

Lợi thế quyền thuê đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian còn lại của các hợp đồng thuê đất. Lợi thế thương hiệu được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 20 năm. Lợi thế vùng nguyên liệu được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 18 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính và phần mềm quản lý

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới và phần mềm quản lý mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính và phần mềm quản lý được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 5 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng tài sản cố định hữu hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tổng Công ty và các công ty con không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác gồm các chi phí cải tạo, sửa chữa định kỳ, thuê biển quảng cáo được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 18 tháng đến 36 tháng.

(k) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tổng Công ty trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Tổng Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

(l) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Tổng Công ty và các công ty con và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tổng Công ty và các công ty con chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(n) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(q) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(r) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

THANH
LỢN

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(s) Lãi trên cổ phiếu

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tổng Công ty không có các cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm. Do vậy yêu cầu trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tổng Công ty và các công ty con chủ yếu hoạt động sản xuất kinh doanh là chăn nuôi bò sữa, sản xuất, kinh doanh các sản phẩm liên quan đến bò sữa. Do đó, Tổng Công ty và các công ty con không trình bày báo cáo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Bộ phận chia theo vùng địa lý của Tổng Công ty và các công ty con được xác định căn cứ vào quốc gia phát sinh doanh thu. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tổng Công ty và các công ty con hoạt động chủ yếu trong một khu vực địa lý là Việt Nam.

(u) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ của Tổng Công ty, và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ.

(v) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con trong năm trước.

DN
TR
NAM

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tiền mặt	35.130.285	57.918.453
Tiền gửi ngân hàng	80.673.182.196	165.213.167.780
Các khoản tương đương tiền (*)	340.000.000.000	1.168.369.889.675
	<hr/>	<hr/>
	420.708.312.481	1.333.640.975.908

(*) Số dư các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 phản ánh các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

112
ÔN
NH
KPI
LIÊN

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTPC
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024		1/1/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	2.989.300.000.000	2.989.300.000.000	2.212.175.239.600	2.212.175.239.600
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	80.000.000.000	(*)	-	-

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng tại các ngân hàng trong nước.

Giá gốc của các khoản tiền gửi này xấp xỉ giá trị hợp lý do tính chất ngắn hạn của các khoản đầu tư.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng tại các ngân hàng trong nước.

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính năm bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư vào công ty liên kết

31/12/2024		Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu		Giá trị hợp lý
Địa chỉ	Số lượng cổ phần	% sở hữu	% quyền biểu quyết	VND
Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng	5.613.217	38,30%	38,30%	(**)
Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP (*)	7.400.000	16,23%	16,23%	(**)
Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung	6.750.000	40,06%	40,06%	(**)
Công ty Cổ phần Dầu tự và Xuất nhập khẩu Súc sản Gia cầm Hải Phòng	491.658	30,00%	30,00%	(**)
Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội	-	36,00%	36,00%	(**)
				172.403.931.021

1/1/2024		Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND		Giá trị hợp lý
Địa chỉ	Số lượng cổ phần	% sở hữu	% quyền biểu quyết	
Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng	5.613.217	38,30%	38,30%	(**)
Tổng Công ty Chè Việt Nam – CTCP (*)	7.400.000	16,23%	16,23%	(**)
Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung	6.750.000	40,06%	40,06%	(**)
Công ty Cổ phần Dầu tự và Xuất nhập khẩu Súc sản Gia cầm Hải Phòng	491.658	30,00%	30,00%	(**)
Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội	-	36,00%	36,00%	(**)
				173.121.453.660

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

31/12/2024								1/1/2024							
	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND		Địa chỉ	Số lượng cổ phần	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Trung ương	Hà Nội	1.722.715	17,23%	17,23%	17.609.383.826	(17.609.383.826)	(**)	Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Trung ương	Hà Nội	1.722.715	17,23%	17,23%	17.609.383.826	(17.609.383.826)	(**)
	Hà Nội	291.264	17,12%	17,12%	4.685.428.501	(4.685.428.501)	(**)		Lâm Đồng	746.810	5,64%	5,64%	7.467.100.000	-	(**)
	Sơn La	8.358	0,0516%	0,0516%	83.719.600	-	(**)		Hà Nội	291.264	17,12%	17,12%	4.685.428.501	(4.685.428.501)	(**)

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (*) Tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty tại Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP dưới 20%. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP thông qua việc Tổng Công ty có thành viên Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty là Thành viên Hội đồng Quản trị của công ty này. Do đó, khoản đầu tư vào Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP được trình bày trên khoản mục Đầu tư vào công ty liên kết.
- (**) Tổng Công ty và các công ty con chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường hoặc khối lượng giao dịch trên thị trường thấp cho các khoản đầu tư này, và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Biến động các khoản đầu tư vào công ty liên kết trong kỳ như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu kỳ	173.121.453.660	186.491.781.862
Phần lãi/(lỗ) từ các công ty liên kết	1.082.477.361	(13.370.328.202)
Cổ tức nhận được từ các công ty liên kết	(1.800.000.000)	-
Số dư cuối kỳ	172.403.931.021	173.121.453.660

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Công ty mẹ		
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	76.288.728.144	35.267.030.828
Bên khác		
Công ty Cổ phần Phát triển TNS Việt Nam	1.731.465.441	1.269.707.441
Công ty TNHH Aeon Việt Nam	-	1.579.868.980
Các khách hàng khác	134.937.680.679	171.310.251.056
	212.957.874.264	209.426.858.305

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ không có bảo đảm, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 40 - 47 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Công ty TNHH Maeda Việt Nam (*)	10.333.826.230	122.195.632.115
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng Thương mại Đại Dũng (*)	10.929.614.705	25.867.523.065
Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc Việt (*)	11.163.675.432	20.949.748.627
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Mộc Châu	5.044.409.402	2.956.475.550
Công ty TNHH Liên doanh DMC - VTS	3.721.075.000	3.721.075.000
Công ty Cổ phần Công nghệ SMOSA Việt Nam (*)	-	13.706.216.084
Công ty Cổ phần Tetrapak Việt Nam	-	1.077.333.450
Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	13.886.217.947	8.653.130.321
	55.078.818.716	199.127.134.212

- (*) Đây là khoản tiền tạm ứng liên quan đến Dự án đầu tư cải tạo trang trại, chuyển đổi vật nuôi từ lợn sang bò thịt, xây dựng cơ sở giết mổ, chế biến, bảo quản và phân phối tại Huyện Tam Đảo, Tỉnh Vĩnh Phúc (“Dự án Tam Đảo”).

8. Phải thu khác

(a) Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Bên liên quan		
Tổng Công ty Chè Việt Nam – CTCP	12.337.000	12.337.000
Bên khác		
Lãi tiền gửi	88.286.247.126	126.487.849.629
Đầu tư ứng vốn cho các hộ chăn nuôi	-	24.542.700.000
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	528.800.000	528.800.000
Phải thu khác	9.361.751.419	9.533.595.253
	98.189.135.545	161.105.281.882

Các khoản phải thu ngắn hạn khác từ bên liên quan không được đảm bảo, không tính lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

(b) Các khoản phải thu dài hạn khác bao gồm:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Ký cược, ký quỹ	635.015.165	309.215.750

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Nợ xấu và nợ khó đòi

	Số năm quá hạn	31/12/2024		1/1/2024	
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ khó có khả năng thu hồi Công ty TNHH Liên doanh DMC - VTS Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vật liệu Xây dựng Cát Linh Công ty CP giống vật nuôi và cây trồng Đồng Giao Các bên khác	Trên 3 năm	3.721.075.000	(3.721.075.000)	-	(3.721.075.000)
	Trên 3 năm	239.000.000	(239.000.000)	-	(239.000.000)
	Trên 3 năm	1.486.400.000	(1.486.400.000)	-	-
	Trên 3 năm	247.960.667	(247.960.667)	-	(139.800.000)
		5.694.435.667	(5.694.435.667)	-	(4.099.875.000)
Trong đó:					
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn			(5.694.435.667)		(4.099.875.000)

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***10. Hàng tồn kho**

	31/12/2024		1/1/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	131.224.587.329	(667.108.103)	147.277.620.727	(1.754.923.165)
Công cụ và dụng cụ	3.420.121.847	(75.258.432)	2.684.341.574	(293.843.525)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	86.481.801.331	-	33.280.329.333	-
Thành phẩm	41.763.251.257	(4.551.956.922)	29.967.489.257	(1.504.168.016)
Hàng hóa	1.903.317.170	-	503.061.910	-
	264.793.078.934	(5.294.323.457)	213.712.842.801	(3.552.934.706)

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Gia súc VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	321.864.305.753	971.242.946.732	78.584.770.151	14.329.953.417	60.028.779.895	1.446.050.755.948
Tăng trong năm	85.703.656.892	27.460.821.417	473.400.000	343.026.000	5.585.475.000	119.566.379.309
Chuyển từ chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	-	-	-	-	13.387.755.416	13.387.755.416
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	397.668.896.418	145.726.830.406	3.814.887.274	2.045.809.000	9.308.775.000	558.565.198.098
Thanh lý, nhượng bán	(5.344.123.240)	(27.661.669.158)	(2.402.946.073)	(327.252.691)	(18.242.423.731)	(53.978.414.893)
Số dư cuối năm	799.892.735.823	1.116.768.929.397	80.470.111.352	16.391.535.726	70.068.361.580	2.083.591.673.878
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	197.531.735.427	652.023.638.050	70.003.166.875	5.382.324.208	22.518.140.633	947.459.005.193
Khấu hao trong năm	23.443.695.850	60.913.152.578	2.848.130.621	2.398.630.953	9.757.607.085	99.361.217.087
Thanh lý, nhượng bán	(4.783.709.993)	(21.502.840.434)	(2.402.946.073)	(327.252.691)	(8.853.311.452)	(37.870.060.643)
Số dư cuối năm	216.191.721.284	691.433.950.194	70.448.351.423	7.453.702.470	23.422.436.266	1.008.950.161.637
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	124.332.570.326	319.219.308.682	8.581.603.276	8.947.629.209	37.510.639.262	498.591.750.755
Số dư cuối năm	583.701.014.539	425.334.979.203	10.021.759.929	8.937.833.256	46.645.925.314	1.074.641.512.241

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các tài sản có nguyên giá 634.992 triệu VND (1/1/2024: 611.283 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá	Lợi thế quyền thuê đất VND	Lợi thế thương hiệu VND	Lợi thế vùng nguyên liệu VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	165.948.848.225	325.192.463.989	197.956.870.362	5.004.164.000	524.680.003	694.627.026.579
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản đỡ đang	-	-	-	516.782.000	-	516.782.000
Số dư cuối năm	165.948.848.225	325.192.463.989	197.956.870.362	5.520.946.000	524.680.003	695.143.808.579
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	56.809.066.410	113.817.362.394	76.983.227.363	4.724.999.130	32.677.443	252.367.332.740
Khấu hao trong năm	7.859.807.385	16.259.623.199	10.997.603.909	202.054.605	113.539.056	35.432.628.154
Số dư cuối năm	64.668.873.795	130.076.985.593	87.980.831.272	4.927.053.735	146.216.499	287.799.960.894
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	109.139.781.815	211.375.101.595	120.973.642.999	279.164.870	492.002.560	442.259.693.839
Số dư cuối năm	101.279.974.430	195.115.478.396	109.976.039.090	593.892.265	378.463.504	407.343.847.685

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có tài sản có nguyên giá 4.429 triệu VND (1/1/2024: 4.429 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn phản ánh giá trị ghi sổ của bò sữa dưới 16 tháng tuổi. Chi phí này sẽ được chuyển sang mục gia súc thuộc tài sản cố định hữu hình khi bò đủ 16 tháng tuổi, là khi bò đã sẵn sàng cho việc sản xuất sữa.

Biến động chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn trong kỳ như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu kỳ	11.324.330.731	11.391.545.403
Tăng trong kỳ	27.879.930.717	22.516.334.588
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(13.387.755.416)	(16.369.733.493)
Giảm khác	(5.245.085.627)	(6.213.815.767)
Số dư cuối kỳ	20.571.420.405	11.324.330.731

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	228.445.553.623	95.736.189.738
Tăng trong năm	1.193.122.825.412	310.709.841.959
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(558.565.198.098)	(177.625.401.731)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(516.782.000)	-
Chuyển sang công cụ dụng cụ dài hạn	(1.530.000.000)	(375.076.343)
Phân loại từ chi phí trả trước dài hạn	3.440.517.256	-
Số dư cuối năm	864.396.916.193	228.445.553.623

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Trang trại du lịch sinh thái bò sữa công nghệ cao 4.000 con	143.242.557.097	100.212.018.073
Dự án Tam Đảo	629.390.173.226	85.715.082.910
Dự án Nhà máy sữa Hưng Yên	63.428.745.942	32.862.278.915
Dự án nâng cấp Trung tâm giống số 2	-	4.051.466.587
Dự án đầu tư xây dựng tòa nhà Vilico Tower	2.664.654.545	2.664.654.545
Các công trình khác	25.670.785.383	2.940.052.593
	864.396.916.193	228.445.553.623

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Công cụ dụng cụ	2.247.583.322	786.686.814
Chi phí quảng cáo	326.394.115	1.620.458.470
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	7.547.428.775	5.886.924.644
	10.121.406.212	8.294.069.928

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	15.456.144.286	3.358.219.124	18.814.363.410
Tăng trong năm	4.891.696.784	19.664.917.681	24.556.614.465
Phân bổ trong năm	(9.846.110.078)	(7.578.479.538)	(17.424.589.616)
Số dư cuối năm	10.501.730.992	15.444.657.267	25.946.388.259

16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

(a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận

	Thuế suất	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:			
Phát sinh từ dự phòng đầu tư vào công ty con, công ty liên kết	20%	9.404.228.343	9.986.766.098
Phát sinh từ tài sản đánh giá lại	20%	96.090.528.400	109.600.651.301
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả		105.494.756.743	119.587.417.399

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN/HN**(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**(b) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2024		1/1/2024	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	4.723.017.623	944.603.525	1.737.856.425	347.571.285
Lỗ tính thuế	24.898.661.685	4.979.732.337	16.423.915.820	3.284.783.164
	29.621.679.308	5.924.335.862	18.161.772.245	3.632.354.449

Lỗ tính thuế hết hiệu lực vào những năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗ được khấu trừ VND
2027	Chưa quyết toán	15.378.670.700
2028	Chưa quyết toán	1.036.245.120
2029	Chưa quyết toán	8.483.745.865
		24.898.661.685

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Tổng Công ty và các công ty con có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

17. Lợi thế thương mại

	Lợi thế thương mại VND
Giá gốc	
Số dư đầu năm và cuối năm	460.923.718.049
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	322.646.602.635
Phân bổ trong năm	46.092.371.805
Số dư cuối năm	368.738.974.440
Giá trị ghi sổ	
Số dư đầu năm	138.277.115.414
Số dư cuối năm	92.184.743.609

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***18. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Công ty mẹ		
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	1.798.622.554	4.249.629.635
Các công ty liên quan khác		
Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội	-	857.500.000
Công ty TNHH MTV Bò sữa Việt Nam	8.457.252.082	1.817.241.812
Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội	1.913.700.000	-
Công Ty TNHH Một Thành Viên Bò Sữa Thống Nhất Thanh Hóa	664.819.676	-
Các bên khác		
Công ty TNHH Maeda Việt Nam	64.580.081.893	-
Các hộ chăn nuôi	49.635.070.519	41.055.768.912
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng Thương mại Đại Dũng	59.463.066.884	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội số 52	-	22.922.737.736
Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc Việt	28.651.123.677	-
Công ty cổ phần công nghệ SMOSA Việt Nam	27.983.983.281	-
Các bên khác	138.477.474.876	82.543.629.378
	381.625.195.442	153.446.507.473

Khoản phải trả đối với các bên liên quan không được bảo đảm, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả trong vòng từ 20 đến 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***19. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước****(a) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	1/1/2024 VND	Số phải thu trong năm VND	Số (đã nộp)/bù trừ trong năm VND	31/12/2024 VND
Thuế giá trị gia tăng	25.866.803.871	6.341.151.247	(16.773.290.733)	15.434.664.385
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	14.718.888.075	6.944.256.577	(13.538.273.873)	8.124.870.779
Thuế thu nhập cá nhân	251.650	-	-	251.650
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	1.252.679.475	-	(1.194.842.831)	57.836.644
	41.838.623.071	13.285.407.824	(31.506.407.437)	23.617.623.458

(*) Trong năm, Tổng Công ty tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp liên quan đến tiền tiền tạm ứng của JVL cho việc chuyển nhượng Dự án Tam Đảo.

(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2024 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/ bù trừ trong năm VND	31/12/2024 VND
Thuế giá trị gia tăng	2.183.829.839	128.446.125.077	(130.600.768.918)	29.185.998
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	35.251.255.463	(26.242.209.827)	9.009.045.636
Thuế thu nhập cá nhân	360.270.795	12.741.354.947	(12.497.265.608)	604.360.134
Thuế tài nguyên	20.274.000	282.213.862	(285.714.662)	16.773.200
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	656.779.008	16.994.572.445	(17.651.351.453)	-
Các loại thuế khác	-	1.919.491.654	(1.917.808.113)	1.683.541
	3.221.153.642	195.635.013.448	(189.195.118.581)	9.661.048.509

Các nghĩa vụ thuế của Tổng Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Chi phí hỗ trợ, quảng cáo, khuyến mại (i)	51.185.676.782	68.869.657.498
Phải trả tiền mua sữa từ các hộ chăn nuôi	3.303.111.497	2.763.274.870
Chi phí quảng cáo trên phương tiện truyền thông	404.671.001	4.056.263.697
Chi phí bảo dưỡng máy móc	1.688.350.678	2.671.590.375
Chi phí lãi vay	1.155.403.733	-
Các khoản trích trước khác	40.826.080.824	8.601.500.211
	98.563.294.515	86.962.286.651

- (i) Chi phí thực hiện chương trình khuyến mại thể hiện chi phí phải trả cho các khách hàng theo các chương trình khuyến mại mà Tổng Công ty và các công ty con đang áp dụng.

21. Các khoản phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Quỹ hỗ trợ chăn nuôi	850.358.888	5.384.973.619
Kinh phí công đoàn	288.553.836	286.839.162
Phải trả, thanh toán tạm ứng cho cán bộ công nhân viên	257.538.055	917.800.570
Cổ tức phải trả	223.406.130	168.419.730
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	187.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	4.546.103.966	15.761.262.902
	6.352.960.875	22.519.295.983

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Quỹ khuyến học và các quỹ khác	400.327.552	790.778.252
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	322.600.000	272.600.000
	722.927.552	1.063.378.252

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Vay ngắn hạn

	Biến động trong năm		31/12/2024 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
	1/1/2024 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND Giảm VND	
Vay ngắn hạn	-	129.000.000.000 (30.000.000.000)	99.000.000.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

Bên cho vay	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	VND	2,6%	99.000.000.000	-

Khoản vay này có thời hạn 6 tháng và không có tài sản đảm bảo.

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty và công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty và công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	91.879.317.701	74.402.567.726
Trích lập trong năm	21.992.077.228	45.320.986.666
Tăng khác	-	3.300.000
Sử dụng trong năm	(40.993.864.222)	(27.847.536.691)
Số dư cuối năm	72.877.530.707	91.879.317.701

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	(Lỗ lũy kế/ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2023	1.723.461.730.000	1.032.465.751.378	37.813.265.256	(64.809.947.101)	94.218.764.359	383.821.807.159	1.249.921.679.714	4.456.893.050.765
Phát hành thêm cổ phiếu	401.454.380.000	159.960.852.000	-	-	-	-	-	561.415.232.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	156.602.643.769	132.505.470.888	289.108.114.657
Cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	-	-	-	(103.407.703.800)	(89.540.058.000)	(192.947.761.800)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	37.961.431.972	(37.961.431.972)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(30.082.194.673)	(15.238.791.993)	(45.320.986.666)
Công ty con tăng vốn	-	-	-	-	-	-	338.100.000.000	338.100.000.000
Số dư tại ngày 31/12/2023	2.124.916.110.000	1.192.426.603.378	37.813.265.256	(64.809.947.101)	132.180.196.331	368.973.120.483	1.615.748.300.609	5.407.247.648.956

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2024	2.124.916.110.000	1.192.426.603.378	37.813.265.256	(64.809.947.101)	132.180.196.331	368.973.120.483	1.615.748.300.609	5.407.247.648.956
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	54.135.679.570	62.914.553.884	117.050.233.454
Cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	-	-	-	(127.494.966.600)	(89.540.058.000)	(217.035.024.600)
Điều chỉnh quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh 27)	-	-	-	-	(15.758.474.597)	15.758.474.597	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(13.041.301.796)	(8.950.775.432)	(21.992.077.228)
Công ty con tăng vốn	-	-	-	-	-	-	722.407.000.000	722.407.000.000
Biến động khác	-	-	-	-	-	(175.857.594.043)	175.857.594.043	-
Số dư tại ngày 31/12/2024	2.124.916.110.000	1.192.426.603.378	37.813.265.256	(64.809.947.101)	116.421.721.734	122.473.412.211	2.478.436.615.104	6.007.677.780.582

(Chữ ký và đóng dấu)

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	31/12/2024		1/1/2024	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	212.491.611	2.124.916.110.000	212.491.611	2.124.916.110.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	212.491.611	2.124.916.110.000	212.491.611	2.124.916.110.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	212.491.611	2.124.916.110.000	212.491.611	2.124.916.110.000

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam, một công ty được thành lập tại Việt Nam.

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

26. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 23 tháng 4 năm 2024, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua mức chia cổ tức của năm 2023 trị giá 127.495 triệu VND (tương đương 600 VND trên một cổ phiếu) (2023: 103.408 triệu VND (tương đương 600 VND trên một cổ phiếu) từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022).

27. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Trong năm 2024, Đại hội đồng Cổ đông đã thông qua việc không trích lập Quỹ đầu tư phát triển từ nguồn lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của năm 2023. Theo đó, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã hoàn nhập phần tạm trích Quỹ đầu tư phát triển trong năm 2023.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Trong vòng một năm	30.025.791.865	17.800.546.975
Từ hai đến năm năm	100.317.433.093	60.186.462.881
Trên năm năm	930.485.444.725	494.130.441.631
	1.060.828.669.683	572.117.451.487

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2024	1/1/2024
	Nguyên tệ Tương đương VND	Nguyên tệ Tương đương VND
USD	-	64
EUR	-	101
	-	4.219.146

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	2.557.850.468.848	2.544.512.832.403
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	1.449.594.557.133	1.306.731.344.484
	4.007.445.025.981	3.851.244.176.887

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2024 VND	2023 VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán thành phẩm	2.877.702.899.920	3.068.982.891.091
▪ Doanh thu bán hàng hóa	78.016.119.412	80.941.715.003
▪ Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.003.878.381	3.172.599.938
▪ Doanh thu khác	1.164.114.168	1.038.209.561
	2.959.887.011.881	3.154.135.415.593
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	199.737.940	112.975.903
▪ Chiết khấu thương mại	2.354.229.599	2.017.348.290
	2.553.967.539	2.130.324.193
Doanh thu thuần	2.957.333.044.342	3.152.005.091.400

30. Giá vốn hàng bán

	2024 VND	2023 VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Thành phẩm đã bán	2.107.860.361.549	2.120.823.056.665
▪ Hàng hóa đã bán	65.146.465.047	71.490.921.263
▪ Dịch vụ đã cung cấp	3.696.021.831	2.206.840.895
▪ Giá vốn khác	8.628.972.954	9.438.043.942
▪ Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.059.973.028	1.731.046.077
	2.187.391.794.409	2.205.689.908.842

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Doanh thu hoạt động tài chính

	2024 VND	2023 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	189.569.019.846	259.502.821.127
Lãi chuyển nhượng phần vốn góp	15.867.664.000	-
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	4.409.659.958	5.812.874.004
Cổ tức được chia	-	7.834.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	186.981.496	1.012.246.440
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	5.521.500	-
	210.038.846.800	266.335.775.571

32. Chi phí bán hàng

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nhân công	48.205.513.850	46.109.451.001
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	163.504.334	222.107.273
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.167.848.671	1.103.682.148
Chi phí hỗ trợ, quảng cáo, hàng mẫu	569.677.944.286	620.243.359.149
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.098.591.109	37.588.237.437
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	6.413.608.165	5.423.520.449
Chi phí khác bằng tiền	20.726.909.593	14.990.098.677
	680.453.920.008	725.680.456.134

33. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nhân công	47.456.016.091	42.872.355.560
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	1.786.934.838	1.529.987.494
Chi phí khấu hao và phân bổ	8.737.342.828	8.661.024.248
Phân bổ lợi thế thương mại	46.092.371.805	46.092.371.805
Thuế, phí, và lệ phí	4.160.263.859	2.988.385.865
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.853.650.721	22.962.266.613
Chi phí khác bằng tiền	19.005.886.019	18.344.821.157
	155.092.466.161	143.451.212.742

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

34. Thu nhập khác

	2024 VND	2023 VND
Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	7.510.976.553	3.432.233.455
Tiền phạt, bồi thường thu được	30.797.233	115.290.903
Các khoản khác	8.801.837.230	13.920.546.226
	16.343.611.016	17.468.070.584

35. Chi phí khác

	2024 VND	2023 VND
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	16.199.754.250	10.438.624.551
Chi phí khấu hao tài sản cố định	169.871.792	342.795.660
Chi phí vắc xin tiêm phòng bỏ cho các hộ dân	-	2.607.466.490
Các khoản khác	5.317.187.443	5.972.230.879
	21.686.813.485	19.361.117.580

36. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.931.814.601.212	1.943.257.661.282
Chi phí hỗ trợ, quảng cáo	566.545.547.023	616.405.087.689
Chi phí nhân công	180.215.848.928	165.787.173.421
Chi phí khấu hao tài sản cố định	134.623.973.449	129.164.156.803
Phân bổ lợi thế thương mại	46.092.371.805	46.092.371.805
Chi phí dịch vụ mua ngoài	142.783.538.100	122.728.578.381
Chi phí khác bằng tiền	82.981.616.945	66.136.045.530

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

37. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2024 VND	2023 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	35.059.600.574	51.858.741.460
Dự phòng thiếu các năm trước	191.654.890	-
	<hr/> 35.251.255.464	<hr/> 51.858.741.460
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(14.092.660.655)	(13.662.933.640)
	<hr/> 21.158.594.809	<hr/> 38.195.807.820

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2024 VND	2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	138.208.828.263	327.303.922.477
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	27.641.765.653	65.460.784.495
Thu nhập được miễn thuế	(18.485.750.402)	(36.750.877.088)
Thu nhập không chịu thuế	-	(1.566.800)
Chi phí không được khấu trừ	9.518.943.255	13.646.203.974
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	2.291.981.413	347.571.285
Lỗ tính thuế được sử dụng	-	(4.506.308.046)
Dự phòng thiếu các năm trước	191.654.890	-
	<hr/> 21.158.594.809	<hr/> 38.195.807.820

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư và luật thuế thu nhập hiện hành, Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.



Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Ngoài ra, theo quy định tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế, công ty con của Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng và chế biến nông sản, thủy sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Trong đó thu nhập từ chế biến nông sản, thủy sản được ưu đãi thuế quy định tại Nghị định này phải đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

- Tỷ lệ giá trị nguyên vật liệu là nông sản, thủy sản trên chi phí sản xuất hàng hóa, sản phẩm từ 30% trở lên; và
- Sản phẩm, hàng hóa từ chế biến nông sản, thủy sản không thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, trừ trường hợp do Thủ tướng Chính phủ quyết định theo đề xuất của Bộ Tài chính.

38. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm, chi tiết như sau:

	2024	2023
Lợi nhuận thuần trong năm (VND)	54.135.679.570	156.602.643.770
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(13.041.301.796)	(30.082.194.673)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	41.094.377.774	126.520.449.097
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (số cổ phiếu)	212.491.611	183.564.898
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	193	689

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tổng Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 dựa trên phần lợi nhuận hợp nhất được phân bổ cho cổ đông phổ thông của Tổng Công ty trong năm 2023.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tổng Công ty không có các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm.

Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2024	2023
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	212.491.611	172.346.173
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành mới trong năm	-	11.218.725
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm	212.491.611	183.564.898

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

39. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tổng Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2024	2023
	VND	VND
Công ty mẹ		
<i>Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam</i>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	572.830.389.827	425.263.034.815
Mua hàng hóa, dịch vụ	30.023.208.648	30.445.101.138
Mua tài sản cố định	4.295.170.594	-
Cổ tức	107.366.205.000	89.788.080.000
Bán tài sản cố định	3.920.351.174	-
Trả trước tiền thuê văn phòng	470.869.092	-
Công ty liên quan khác		
<i>Công ty TNHH MTV Bò sữa Việt Nam</i>		
Mua hàng hóa, dịch vụ	78.848.054.533	81.553.115.528
<i>Công ty TNHH MTV Bò sữa Thống Nhất Thanh Hóa</i>		
Mua hàng hóa	3.580.765.415	-
<i>Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội</i>		
Mua hàng hóa	14.450.300.000	14.045.105.000
Thu nhập từ lợi nhuận được chia	1.800.000.000	-

Thù lao và lương của người quản lý chủ chốt

	2024	2023
	Triệu VND	Triệu VND
Thành viên Hội đồng quản trị		
<i>Tổng thù lao</i>	384	384
Ông Nguyễn Hồng Bách – Thành viên	96	96
Ông Lê Thành Liêm – Thành viên	96	96
Ông Đỗ Hoàng Phúc – Thành viên	96	96
Ông Đoàn Quốc Khánh – Thành viên (từ ngày 23/4/2024)	66	-
Ông Trịnh Phương Nam – Thành viên (đến ngày 23/4/2024)	30	64
Ông Trịnh Quốc Dũng – Thành viên (đến ngày 27/4/2023)	-	32

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	2024 Triệu VND	2023 Triệu VND
Ban Tổng Giám đốc		
Tổng thù lao	1.236	1.120
Ông Đoàn Quốc Khánh – Tổng Giám đốc	650	129
Ông Trịnh Phương Nam – Tổng Giám đốc (từ ngày 1/5/2023 đến ngày 19/10/2023)	-	281
Ông Trịnh Quốc Dũng – Tổng Giám đốc (đến ngày 1/5/2023)	-	242
Ông Nguyễn Đức Nam – Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/3/2024)	271	-
Bà Phạm Ngọc Trâm – Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/10/2024)	265	-
Ông Trần Chí Sơn – Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 29/2/2024)	50	346
Ông Nguyễn Đăng Khoa – Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 25/4/2023)	-	122
Ban Kiểm soát		
Tổng thù lao	240	240
Bà Trần Thái Thoại Trân – Trưởng ban (từ ngày 23/04/2024)	66	-
Bà Hà Thị Diệu Thu – Trưởng ban (đến ngày 23/4/2024)	30	96
Ông Trịnh Công Sơn – Thành viên	72	72
Ông Trương Anh Vũ – Thành viên	72	72

40. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư

	2024 VND	2023 VND
Cần trừ công nợ giữa tạm ứng vốn cho các hộ chăn nuôi và phải trả tiền mua sữa	23.754.400.000	37.360.235.562

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

41. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ngày 20 tháng 3 năm 2025

Người lập:



Hoàng Mạnh Cường
Kế toán trưởng

Người soát xét:



Nguyễn Đức Nam
Phó Tổng Giám đốc

Người duyệt:



Đoàn Quốc Khánh
Tổng Giám đốc



Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2024

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thông tin về Tổng Công ty

Các văn bản thành lập Quyết định số 862 NN-TCCB/QĐ ngày 21 tháng 6 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn trên cơ sở sắp xếp lại các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Tổng Công ty được chuyển đổi thành Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP theo Quyết định số 1893/QĐ-TTg ngày 14 tháng 12 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100104443 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30 tháng 6 năm 2010. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất (lần thứ 12) là ngày 16 tháng 11 năm 2023.

Hội đồng Quản trị	Bà Mai Kiều Liên	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Hồng Bách	Thành viên
	Ông Lê Thành Liêm	Thành viên
	Ông Đỗ Hoàng Phúc	Thành viên
	Ông Đoàn Quốc Khánh	Thành viên (từ ngày 23/4/2024)
	Ông Trịnh Phương Nam	Thành viên (đến ngày 23/4/2024)
Ban Tổng Giám đốc	Ông Đoàn Quốc Khánh	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Đức Nam	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/3/2024)
	Bà Phạm Ngọc Trâm	Phó Tổng giám đốc (từ ngày 1/10/2024)
	Ông Trần Chí Sơn	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 1/3/2024)
Ban Kiểm soát	Bà Trần Thái Thoại Trân	Trưởng ban (từ ngày 23/4/2024)
	Bà Hà Thị Diệu Thu	Trưởng ban (đến ngày 23/4/2024)
	Ông Trịnh Công Sơn	Thành viên
	Ông Trương Anh Vũ	Thành viên
Trụ sở đăng ký	519 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

100
C
ÁCH
100

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 34 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Đoàn Quốc Khánh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2025



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 20 tháng 3 năm 2025, được trình bày từ trang 5 đến trang 34.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 22-02-00143-25-1



Phạm Thị Thủy Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3065-2024-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Phan Mỹ Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3064-2024-007-1

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2025

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		224.838.518.786	1.087.144.663.626
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	20.181.137.661	618.962.235.939
Tiền	111		10.181.137.661	92.062.235.939
Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	526.900.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		153.000.000.000	270.100.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	153.000.000.000	270.100.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		25.283.731.907	189.499.839.279
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	2.935.187.095	2.035.948.436
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	21.255.583.220	187.858.182.045
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	6.539.436.592	3.565.783.798
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(5.446.475.000)	(3.960.075.000)
Hàng tồn kho	140		37.870.000	37.870.000
Hàng tồn kho	141		37.870.000	37.870.000
Tài sản ngắn hạn khác	150		26.335.779.218	8.544.718.408
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		94.446.469	70.451.015
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		9.939.390.223	4.262.889.860
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	14(a)	16.301.942.526	4.211.377.533

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		4.029.092.711.001	2.172.193.736.583
Tài sản cố định	220		6.218.974.765	7.293.803.865
Tài sản cố định hữu hình	221	10	6.172.792.842	7.165.761.278
Nguyên giá	222		50.856.104.929	52.163.271.431
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(44.683.312.087)	(44.997.510.153)
Tài sản cố định vô hình	227		46.181.923	128.042.587
Nguyên giá	228		686.582.000	686.582.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(640.400.077)	(558.539.413)
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.231.834.988.560	121.179.086.173
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	11	1.165.741.588.073	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	66.093.400.487	121.179.086.173
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5(b)	2.790.844.022.182	2.043.505.433.408
Đầu tư vào công ty con	251		2.623.904.636.965	1.872.011.636.965
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252		238.833.528.842	238.833.528.842
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		22.294.812.327	29.761.912.327
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(94.188.955.952)	(97.101.644.726)
Tài sản dài hạn khác	260		194.725.494	215.413.137
Chi phí trả trước dài hạn	261		194.725.494	215.413.137
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		4.253.931.229.787	3.259.338.400.209

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		1.256.546.587.592	277.090.989.534
Nợ ngắn hạn	310		1.256.546.587.592	277.090.989.534
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	197.666.584.947	27.010.706.306
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.469.893.000	1.469.893.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14(b)	3.310.245.495	3.042.292.002
Phải trả người lao động	314		1.134.250.815	1.164.592.012
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	33.191.943.752	270.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	971.018.576.706	193.224.868.189
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	17	2.461.920.000	2.232.994.560
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	18	46.293.172.877	48.675.643.465
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		2.997.384.642.195	2.982.247.410.675
Vốn chủ sở hữu	410	19	2.997.384.642.195	2.982.247.410.675
Vốn cổ phần	411	20	2.124.916.110.000	2.124.916.110.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		2.124.916.110.000	2.124.916.110.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		396.702.829.230	396.702.829.230
Quỹ đầu tư phát triển	418	22	80.559.835.691	96.318.310.288
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		395.205.867.274	364.310.161.157
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>	421a		252.573.669.152	230.363.127.084
- <i>LNST năm nay</i>	421b		142.632.198.122	133.947.034.073
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		4.253.931.229.787	3.259.338.400.209

Ngày 20 tháng 3 năm 2025

Người lập:



Hoàng Mạnh Cường
Kế toán trưởng

Người soát xét:



Nguyễn Đức Nam
Phó Tổng Giám đốc

Người duyệt:



Đoàn Quốc Khánh
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 02– DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	24	5.137.120.485	3.931.337.382
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	11	25	3.696.021.831	2.206.840.895
Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ (20 = 01 - 11)	20		1.441.098.654	1.724.496.487
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	160.331.752.572	176.528.087.646
Chi phí tài chính	22	27	(2.912.688.774)	(1.261.697.575)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	19.472.611.168	18.267.559.735
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)	30		145.212.928.832	161.246.721.973
Thu nhập khác	31	29	1.832.011.670	1.259.231.735
Chi phí khác	32	30	1.297.561.891	2.224.761.844
Lợi nhuận/(lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40		534.449.779	(965.530.109)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		145.747.378.611	160.281.191.864
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	3.115.180.489	2.696.445.896
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		142.632.198.122	157.584.745.968

Ngày 20 tháng 3 năm 2025

Người lập:



Hoàng Mạnh Cường
Kế toán trưởng

Người soát xét:



Nguyễn Đức Nam
Phó Tổng Giám đốc

Người duyệt:





Đoàn Quốc Khánh
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2024 VND	2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	145.747.378.611	160.281.191.864
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao	02	2.306.258.808	1.288.982.591
Các khoản dự phòng	03	(1.197.363.334)	(1.032.772.135)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(160.746.582.538)	(176.080.705.739)
Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	(13.890.308.453)	(15.543.303.419)
Biến động các khoản phải thu	09	154.035.921.486	7.968.241.871
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(102.881.888.753)	48.743.608.408
Biến động chi phí trả trước	12	(3.307.811)	270.865.556
		37.260.416.469	41.439.412.416
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6.944.256.577)	(1.779.490.058)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.382.470.588)	(1.618.846.691)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	27.933.689.304	38.041.075.667
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(32.184.414.029)	(139.804.049.750)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	414.829.966	204.545.455
Tiền chi tiền gửi có kỳ hạn	23	(283.000.000.000)	(570.100.000.000)
Tiền thu tiền gửi có kỳ hạn	24	400.100.000.000	966.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(751.893.000.000)	(351.900.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	23.334.764.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	143.953.012.681	192.440.014.222
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(499.274.807.382)	96.840.509.927

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2024 VND	2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	561.415.232.000
Tiền trả cổ tức	36	(127.439.980.200)	(103.407.703.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(127.439.980.200)	458.007.528.200
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(598.781.098.278)	592.889.113.794
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	618.962.235.939	26.073.122.145
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 4)	70	20.181.137.661	618.962.235.939

Ngày 20 tháng 3 năm 2025

Người lập:

Hoàng Mạnh Cường
Kế toán trưởng

Người soát xét:

Nguyễn Đức Nam
Phó Tổng Giám đốc

Người duyệt:

Đoàn Quốc Khánh
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (“Tổng Công ty”), tiền thân là Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, được thành lập theo Quyết định số 862 NN-TCCB/QĐ ngày 21 tháng 6 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn trên cơ sở sắp xếp lại các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Tổng Công ty được chuyển đổi thành Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP theo Quyết định số 1893/QĐ-TTg ngày 14 tháng 12 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100104443 đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 6 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 16 tháng 11 năm 2023.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty là:

- Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò;
- Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn;
- Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; và
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tổng Công ty có 2 công ty con và 5 công ty liên kết (1/1/2024: 2 công ty con và 5 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh 5(b).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tổng Công ty có 32 nhân viên (1/1/2024: 33 nhân viên).

VIỆT NAM

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tổng Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính. Toàn bộ các số liệu được trình bày bằng VND, trừ khi được ghi chú khác.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(b) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(c) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 30 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 10 năm
▪ phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 8 năm

(f) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 5 năm.

(g) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng tài sản cố định hữu hình chưa được hoàn thành. Tổng Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

(h) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác gồm các chi phí cải tạo, sửa chữa định kỳ, thuê biển quảng cáo được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(i) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(k) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận trước hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

THANH NIÊN

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(n) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(o) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ, các công ty con và công ty liên kết của Tổng Công ty và của công ty mẹ.

(p) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính riêng năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty trong năm trước.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Tiền mặt	-	4.488.719
Tiền gửi ngân hàng	10.181.137.661	92.057.747.220
Các khoản tương đương tiền (*)	10.000.000.000	526.900.000.000
	<hr/>	<hr/>
	20.181.137.661	618.962.235.939
	<hr/>	<hr/>

- (*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng.

5. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	153.000.000.000	60.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển		
Thành phố Hồ Chí Minh	-	210.100.000.000
	<hr/>	<hr/>
	153.000.000.000	270.100.000.000
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

		31/12/2024			Giá trị hợp lý VND
		Số lượng cổ phần	% sở hữu	% quyền biểu quyết	
		Địa chỉ			Dự phòng VND
Đầu tư góp vốn vào:					Giá gốc VND
Công ty con					
▪ Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu (“MCM”)		Sơn La	59,30%	59,30%	1.144.751.636.965
▪ Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật (“JVL”)		Hà Nội	51,00%	51,00%	1.479.153.000.000
					-
					2.623.904.636.965
					-
Công ty liên kết					
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Súc sản Gia cầm Hải Phòng		Hải Phòng	30,00%	30,00%	4.614.583.308
▪ Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội		Hà Nội	36,00%	36,00%	3.318.973.219
▪ Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng		Lâm Đồng	38,30%	38,30%	80.622.827.315
▪ Tổng Công ty Chè Việt Nam – CTPC (*)		Hà Nội	16,23%	16,23%	82.777.145.000
▪ Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung		Quảng Nam	40,06%	40,06%	67.500.000.000
					(24.905.150.968)
					(42.374.409.349)
					238.833.528.842
					(71.894.143.625)
Đơn vị khác					
▪ Công ty Cổ phần Chăn nuôi Chế biến Xuất nhập khẩu		Hà Nội	17,12%	17,12%	4.685.428.501
▪ Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Trung ương		Hà Nội	17,23%	17,23%	17.609.383.826
					(4.685.428.501)
					(17.609.383.826)
					22.294.812.327
					(22.294.812.327)
					2.885.032.978.134
					(94.188.955.952)

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTPC
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

		1/1/2024			
		Số lượng cổ phần	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị hợp lý VND
Địa chỉ				Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư góp vốn vào:					
Công ty con					
▪ Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu (“MCM”)	Sơn La	65.229.971	59,30%	59,30%	1.144.751.636.965
	Hà Nội	-	51,00%	51,00%	727.260.000.000
				1.872.011.636.965	-
Công ty liên kết					
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Súc sản Gia cầm Hải Phòng	Hải Phòng	491.658	30,00%	30,00%	4.614.583.308
	Hà Nội	-	36,00%	36,00%	3.318.973.219
	Lâm Đồng	5.613.217	38,30%	38,30%	80.622.827.315
	Hà Nội	7.400.000	16,23%	16,23%	82.777.145.000
	Quảng Nam	6.750.000	40,06%	40,06%	67.500.000.000
				238.833.528.842	(74.806.832.399)
Đơn vị khác					
▪ Công ty Cổ phần Chăn nuôi Chế biến Xuất nhập khẩu	Hà Nội	291.264	17,12%	17,12%	4.685.428.501
	Lâm Đồng	746.810	5,64%	5,64%	7.467.100.000
	Hà Nội	1.722.715	17,23%	17,23%	17.609.383.826
				29.761.912.327	(22.294.812.327)
				2.140.607.078.134	(97.101.644.726)

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (*) Tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty tại Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP dưới 20%. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP thông qua việc Tổng Công ty có thành viên Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty là Thành viên Hội đồng Quản trị của công ty này. Do đó, khoản đầu tư vào Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP được trình bày trên khoản mục Đầu tư vào công ty liên kết.
- (**) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường hoặc khối lượng giao dịch thấp cho các khoản đầu tư này, và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Công ty con		
Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật	616.616.951	177.277.680
Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu	75.036.732	139.955.959
Bên khác		
Công ty Cổ phần Phát triển TNS Việt Nam	1.731.465.441	1.269.707.441
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vật liệu Xây dựng Cát Linh	239.000.000	239.000.000
Các khách hàng khác	273.067.971	210.007.356
	2.935.187.095	2.035.948.436

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

HẠN
HÓA

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Công ty TNHH Maeda Việt Nam (*)	10.333.826.230	122.195.632.115
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng Thương mại Đại Dũng (*)	-	25.867.523.065
Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc Việt (*)	-	20.949.748.627
Công ty Cổ phần Công nghệ SMOSA Việt Nam (*)	-	13.706.216.084
Công ty TNHH Liên doanh DMC - VTS	3.721.075.000	3.721.075.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	7.200.681.990	1.417.987.154
	21.255.583.220	187.858.182.045

- (*) Đây là khoản tiền tạm ứng liên quan đến Dự án đầu tư cải tạo trang trại, chuyển đổi vật nuôi từ lợn sang bò thịt, xây dựng cơ sở giết mổ, chế biến, bảo quản và phân phối tại Huyện Tam Đảo, Tỉnh Vĩnh Phúc (“Dự án Tam Đảo”).

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Công ty con		
Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật	2.519.262.880	-
Bên khác		
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	528.800.000	528.800.000
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.696.465.754	1.185.389.863
Phải thu người lao động	454.248.646	623.112.310
Phải thu khác	1.340.659.312	1.228.481.625
	6.539.436.592	3.565.783.798

Các khoản phải thu từ công ty liên quan không có liên quan đến hoạt động thương mại là các khoản không có bảo đảm, không tính lãi và có thể thu hồi theo yêu cầu.



Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTPC
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Nợ xấu và nợ khó đòi

	Số năm quá hạn	31/12/2024		1/1/2024	
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<i>Nợ khó có khả năng thu hồi</i> Công ty TNHH Liên doanh DMC - VTS Công ty Cổ phần giống vật nuôi và cây trồng Đồng Giao Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vật liệu Xây dựng Cát Linh	Trên 3 năm	3.721.075.000	(3.721.075.000)	-	3.721.075.000
	Trên 3 năm	1.486.400.000	(1.486.400.000)	-	1.486.400.000
	Trên 3 năm	239.000.000	(239.000.000)	-	239.000.000
		5.446.475.000	(5.446.475.000)	-	5.446.475.000

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn

(5.446.475.000)

(3.960.075.000)

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	45.411.891.463	1.649.915.376	4.775.363.138	326.101.454	52.163.271.431
Thanh lý	(503.098.000)	(398.500.000)	(309.630.684)	(95.937.818)	(1.307.166.502)
Số dư cuối năm	44.908.793.463	1.251.415.376	4.465.732.454	230.163.636	50.856.104.929
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	39.671.999.180	1.468.704.160	3.530.705.359	326.101.454	44.997.510.153
Khấu hao trong năm	1.203.385.548	669.048.492	351.964.104	-	2.224.398.144
Thanh lý	(503.098.000)	(398.500.000)	(309.630.684)	(95.937.818)	(1.307.166.502)
Chuyển sang chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	(616.752.940)	(614.676.768)	-	-	(1.231.429.708)
Số dư cuối năm	39.755.533.788	1.124.575.884	3.573.038.779	230.163.636	44.683.312.087
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	5.739.892.283	181.211.216	1.244.657.779	-	7.165.761.278
Số dư cuối năm	5.153.259.675	126.839.492	892.693.675	-	6.172.792.842

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có tài sản có nguyên giá 29.654 triệu VND (1/1/2024: 28.719 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn thể hiện chi phí xây dựng liên quan đến Dự án Tam Đảo. Theo Thỏa thuận khung đầu tư ngày 5 tháng 9 năm 2022 và bản sửa đổi ngày 24 tháng 9 năm 2024 giữa Tổng Công ty, Sojitz Corporation (nhà đầu tư thứ hai của JVL - một công ty con của Tổng Công ty), Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (công ty mẹ của Tổng Công ty), và JVL, Tổng Công ty có kế hoạch chuyển nhượng Dự án Tam Đảo cho JVL sau khi việc xây dựng Dự án Tam Đảo hoàn thành và đáp ứng các điều kiện tiên quyết được quy định cho việc chuyển nhượng.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	121.179.086.173	10.271.530.741
Tăng trong năm	1.111.887.332.095	110.907.555.432
Chuyển sang chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	(1.166.973.017.781)	-
Số dư cuối năm	66.093.400.487	121.179.086.173

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	2024 VND	1/1/2024 VND
Dự án Tam Đảo	-	85.652.152.713
Dự án Nhà máy sữa Hưng Yên	63.428.745.942	32.862.278.915
Dự án đầu tư xây dựng tòa nhà Vilico Tower	2.664.654.545	2.664.654.545
	66.093.400.487	121.179.086.173

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Công ty con		
Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật	1.359.900	1.359.900
Các bên thứ ba		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội số 52	-	22.922.737.736
Công ty TNHH Maeda Việt Nam	64.580.081.893	-
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Thái Sơn	11.515.780.505	2.560.507.506
Công ty Cổ phần Cơ khí xây dựng thương mại Đại Dũng	59.463.066.884	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc Việt	28.651.123.677	-
Công ty cổ phần công nghệ SMOSA Việt Nam	27.983.983.281	-
Các bên khác	5.471.188.807	1.526.101.164
	197.666.584.947	27.010.706.306

Các khoản phải trả cho công ty con liên quan đến hoạt động thương mại là các khoản không có bảo đảm, không tính lãi và phải thanh toán theo yêu cầu.

14. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	1/1/2024	Số phải thu	Số đã nộp/bù	31/12/2024
	VND	trong năm	trừ trong năm	VND
		VND	VND	
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	1.782.061.680	6.341.151.247	-	8.123.212.927
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	1.176.384.728	6.944.256.577	-	8.120.641.305
Các loại thuế khác	1.252.931.125	-	(1.194.842.831)	58.088.294
	4.211.377.533	13.285.407.824	(1.194.842.831)	16.301.942.526

(*) Trong năm, Tổng Công ty tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp liên quan đến tiền tạm ứng của JVL cho việc chuyển nhượng Dự án Tam Đảo.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2024 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/ bù trừ trong năm VND	31/12/2024 VND
Thuế giá trị gia tăng	2.183.829.839	67.062.876.456	(69.217.520.297)	29.185.998
Thuế thu nhập cá nhân	201.683.155	2.729.711.857	(2.765.516.004)	165.879.008
Thuế thu nhập doanh nghiệp		3.115.180.489	-	3.115.180.489
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	656.779.008	3.937.033.056	(4.593.812.064)	-
	3.042.292.002	76.844.801.858	(76.576.848.365)	3.310.245.495

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Trích trước chi phí xây dựng	32.995.943.752	-
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	196.000.000	270.000.000
	33.191.943.752	270.000.000

16. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Nhận tiền tạm ứng từ		
Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật (*)	964.858.573.817	177.949.005.870
Kinh phí công đoàn	98.118.214	153.579.880
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	187.000.000	43.300.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	223.406.130	168.419.730
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.651.478.545	14.910.562.709
	971.018.576.706	193.224.868.189

- (*) Đây là các khoản tạm ứng của JVL cho Tổng Công ty để xây dựng Dự án Tam Đảo theo Thỏa thuận khung đầu tư ngày 5 tháng 9 năm 2022 (Thuyết minh 11). Dự án sẽ được chuyển giao cho JVL sau khi tất cả các điều kiện tiên quyết được quy định trong hợp đồng được hoàn tất.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng tiền thuê đất đang được tạm tính theo đơn giá do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành cho giai đoạn từ tháng 7 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 do Tổng Công ty chưa có hợp đồng thuê đất và thông báo nộp tiền thuê đất để làm căn cứ xác định nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước đối với khu đất đang sử dụng này.

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	48.675.643.465	42.415.252.858
Trích lập trong năm	-	7.879.237.298
Sử dụng trong năm	(2.382.470.588)	(1.618.846.691)
Số dư cuối năm	46.293.172.877	48.675.643.465



Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTPC
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2023	1.723.461.730.000	236.741.977.230	80.559.835.691	333.770.830.884	2.374.534.373.805
Phát hành thêm cổ phiếu	401.454.380.000	159.960.852.000	-	-	561.415.232.000
Lợi nhuận thuần trọng năm	-	-	-	157.584.745.968	157.584.745.968
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	15.758.474.597	(15.758.474.597)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(7.879.237.298)	(7.879.237.298)
Trả cổ tức (Thuyết minh 21)	-	-	-	(103.407.703.800)	(103.407.703.800)
Số dư tại ngày 1/1/2024	2.124.916.110.000	396.702.829.230	96.318.310.288	364.310.161.157	2.982.247.410.675
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	142.632.198.122	142.632.198.122
Điều chỉnh giảm quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh 22)	-	-	(15.758.474.597)	15.758.474.595	(2)
Trả cổ tức (Thuyết minh 21)	-	-	-	(127.494.966.600)	(127.494.966.600)
Số dư tại ngày 31/12/2024	2.124.916.110.000	396.702.829.230	80.559.835.691	395.205.867.274	2.997.384.642.195

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	31/12/2024		1/1/2024	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	212.491.611	2.124.916.110.000	212.491.611	2.124.916.110.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	212.491.611	2.124.916.110.000	212.491.611	2.124.916.110.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	212.491.611	2.124.916.110.000	212.491.611	2.124.916.110.000

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam, một công ty được thành lập tại Việt Nam.

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

21. Cổ tức

Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty ngày 23 tháng 4 năm 2024 đã thông qua việc chi trả cổ tức năm 2023 với số tiền 127.495 triệu VND (tương đương 600 VND trên một cổ phiếu) (năm 2023: 103.408 triệu VND (tương đương 600 VND trên một cổ phiếu) từ lợi nhuận giữ lại của năm 2022).

22. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Trong năm 2024, Đại hội đồng Cổ đông đã thông qua việc không trích lập Quỹ đầu tư phát triển từ nguồn lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của năm 2023, do đó, ban lãnh đạo Tổng Công ty đã hoàn nhập phần tạm trích Quỹ đầu tư phát triển trong năm 2023.

12C
NG
HIỆM
PM
M

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Trong vòng một năm	10.025.412.985	2.889.277.638
Từ hai đến năm năm	34.096.078.378	9.221.817.941
Trên năm năm	262.395.603.210	32.119.055.327
	306.517.094.573	44.230.150.906

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	2.557.850.468.848	2.544.512.832.403
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	1.449.594.557.133	1.306.731.344.484
	4.007.445.025.981	3.851.244.176.887

24. Doanh thu cung cấp dịch vụ

	2024 VND	2023 VND
Cung cấp dịch vụ	5.137.120.485	3.931.337.382

25. Giá vốn dịch vụ đã cung cấp

	2024 VND	2023 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	3.696.021.831	2.206.840.895

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	2024 VND	2023 VND
Cổ tức được chia	132.259.942.000	130.459.942.000
Lãi tiền gửi và cho vay	12.204.146.572	46.068.145.646
Lãi thanh lý khoản đầu tư khác	15.867.664.000	-
	160.331.752.572	176.528.087.646

27. Chi phí tài chính

	2024 VND	2023 VND
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	(2.912.688.774)	(1.261.697.575)

28. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nhân viên	9.777.079.338	9.835.220.996
Chi phí khấu hao	445.324.764	452.344.630
Thuế, phí và lệ phí	1.571.301.911	540.157.074
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.539.999.551	4.601.480.267
Chi phí bằng tiền khác	3.138.905.604	2.838.356.768
	19.472.611.168	18.267.559.735

29. Thu nhập khác

	2024 VND	2023 VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	414.829.966	204.545.455
Thu nhập khác	1.417.181.704	1.054.686.280
	1.832.011.670	1.259.231.735



Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Chi phí khác

	2024 VND	2023 VND
Chi phí khấu hao các tài sản tạm thời không sử dụng	169.871.792	342.795.660
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	-	651.927.362
Chi phí khác	1.127.690.099	1.230.038.822
	1.297.561.891	2.224.761.844

31. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nhân viên	9.815.233.578	9.961.940.665
Chi phí khấu hao	2.136.387.016	946.186.931
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.501.845.311	5.175.861.748
Chi phí khác	6.715.167.094	4.047.615.626

32. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2024 VND	2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	145.747.378.611	160.281.191.864
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	29.149.475.722	32.056.238.373
Chi phí không được khấu trừ	417.693.167	432.472.972
Thu nhập không bị tính thuế	(26.451.988.400)	(26.091.988.400)
Lỗ tính thuế được sử dụng	-	(3.700.277.049)
	3.115.180.489	2.696.445.896

(b) Thuế suất áp dụng

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

S.D.N
TR
NAM

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm, Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2024	2023
	VND	VND
Công ty mẹ		
<i>Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam</i>		
Chi trả cổ tức	87.890.625.000	70.312.500.000
Tăng vốn góp bằng mua cổ phiếu	-	410.156.250.000
Công ty con		
<i>Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu</i>		
Bán hàng hóa, dịch vụ	838.789.288	725.703.982
Cổ tức được chia	130.459.942.000	130.459.942.000
<i>Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật</i>		
Góp vốn	751.893.000.000	351.900.000.000
Nhận tạm ứng về chuyển nhượng dự án	786.909.567.947	45.949.005.870
Bán hàng hóa, dịch vụ	1.638.225.329	348.357.769
Mua hàng hóa	63.023.108	33.033.462
Công ty TNHH MTV Bò sữa Việt Nam		
Mua hàng hóa, dịch vụ, nguyên vật liệu	83.367.000	-
Công ty liên kết		
<i>Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội</i>		
Cổ tức được chia	1.800.000.000	-

Thù lao và lương của người quản lý chủ chốt

	2024	2023
	Triệu VND	Triệu VND
Thành viên Hội đồng Quản trị		
<i>Tổng thù lao</i>	384	384
Ông Nguyễn Hồng Bách – Thành viên	96	96
Ông Lê Thành Liêm – Thành viên	96	96
Ông Đỗ Hoàng Phúc – Thành viên	96	96
Ông Đoàn Quốc Khánh – Thành viên (từ ngày 23/4/2024)	66	-
Ông Trịnh Phương Nam – Thành viên (đến ngày 23/4/2024)	30	64
Ông Trịnh Quốc Dũng – Thành viên (đến ngày 27/4/2023)	-	32

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	2024	2023
	Triệu VND	Triệu VND
Ban Tổng Giám đốc		
Tổng thù lao	1.236	1.120
Ông Đoàn Quốc Khánh – Tổng Giám đốc	650	129
Ông Trịnh Phương Nam – Tổng Giám đốc (từ ngày 1/5/2023 đến ngày 19/10/2023)	-	281
Ông Trịnh Quốc Dũng – Tổng Giám đốc (đến ngày 1/5/2023)	-	242
Ông Nguyễn Đức Nam – Phó Tổng Giám Đốc (từ ngày 1/3/2024)	271	-
Bà Phạm Ngọc Trâm – Phó Tổng Giám Đốc (từ ngày 1/10/2024)	265	-
Ông Trần Chí Sơn – Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 29/2/2024)	50	346
Ông Nguyễn Đăng Khoa – Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 25/4/2023)	-	122
Ban Kiểm soát		
Tổng thù lao	240	240
Bà Trần Thái Thoại Trân – Trưởng ban (từ ngày 23/4/2024)	66	-
Bà Hà Thị Diệu Thu – Trưởng ban (đến ngày 23/4/2024))	30	96
Ông Trịnh Công Sơn – Thành viên	72	72
Ông Trương Anh Vũ – Thành viên	72	72

34. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ngày 20 tháng 3 năm 2025

Người lập:



Hoàng Mạnh Cường
Kế toán trưởng

Người soát xét:



Nguyễn Đức Nam
Phó Tổng Giám đốc

Người duyệt:



Đoàn Quốc Khánh
Tổng Giám đốc





Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP

Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được
từ đợt phát hành 40.145.438 cổ phiếu phổ thông
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thông tin về Tổng Công ty

Các văn bản thành lập Quyết định số 862 NN-TCCB/QĐ ngày 21 tháng 6 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn trên cơ sở sắp xếp lại các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Tổng Công ty được chuyển đổi thành Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP theo Quyết định số 1893/QĐ-TTg ngày 14 tháng 12 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100104443 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30 tháng 6 năm 2010. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất (lần thứ 12) là ngày 16 tháng 11 năm 2023.

Hội đồng Quản trị

Bà Mai Kiều Liên
Ông Nguyễn Hồng Bách
Ông Lê Thành Liêm
Ông Đỗ Hoàng Phúc
Ông Đoàn Quốc Khánh
Ông Trịnh Phương Nam

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên (từ ngày 23/4/2024)
Thành viên (đến ngày 23/4/2024)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đoàn Quốc Khánh
Ông Nguyễn Đức Nam
Bà Phạm Ngọc Trâm
Ông Trần Chí Sơn

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/3/2024)
Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/10/2024)
Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 1/3/2024)

Ban Kiểm soát

Bà Trần Thái Thoại Trân
Bà Hà Thị Diệu Thu
Ông Trịnh Công Sơn
Ông Trương Anh Vũ

Trưởng Ban (từ ngày 23/4/2024)
Trưởng Ban (đến ngày 23/4/2024)
Thành viên
Thành viên

Trụ sở đăng ký

519 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành 40.145.438 cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (“Tổng Công ty”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và các thuyết minh kèm theo (“Báo cáo tình hình sử dụng vốn”) được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày ngày 20 tháng 3 năm 2025, được trình bày từ trang 4 đến trang 7.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn theo Thuyết minh 2 của Báo cáo tình hình sử dụng vốn, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tình hình sử dụng vốn dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tình hình sử dụng vốn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tình hình sử dụng vốn. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tình hình sử dụng vốn do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tình hình sử dụng vốn.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, thông tin tài chính trong Báo cáo tình hình sử dụng vốn của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được lập, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với cơ sở kế toán được trình bày tại Thuyết minh 2 của Báo cáo tình hình sử dụng vốn.

Chính sách kế toán và giới hạn về đối tượng nhận báo cáo kiểm toán

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 2 của Báo cáo tình hình sử dụng vốn đính kèm, trong đó trình bày cơ sở kế toán của việc lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn này. Báo cáo tình hình sử dụng vốn được lập để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Hội đồng Quản trị và các cổ đông của Tổng Công ty. Do đó, Báo cáo tình hình sử dụng vốn có thể không phù hợp cho các mục đích khác. Báo cáo kiểm toán của chúng tôi chỉ được lập cho Tổng Công ty và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, và không được sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 25-02-00007-25-1



Phạm Thị Thùy Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3065-2024-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Phan Mỹ Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3064-2024-007-1

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2025

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP

Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành 40.145.438 cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Căn cứ theo quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán, Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (“Tổng Công ty”) báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành 40.145.438 cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

I. Thông tin chung về đợt phát hành

- | | |
|---|--|
| 1. Tên giấy tờ có giá | : Cổ phiếu cổ thông |
| 2. Loại đồng tiền | : Đồng Việt Nam (VND) |
| 3. Tổng số cổ phiếu đã phát hành | : 40.145.438 cổ phiếu |
| 4. Mệnh giá | : 10.000 VND/cổ phiếu |
| 5. Hình thức phát hành | : Chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu |
| 6. Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành | : 562.036.132.000 VND |

Công văn số 6332/UBCK-QLCB ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng.

II. Báo cáo tình hình sử dụng vốn

Theo Nghị quyết số 09/2024/VLC/NQ-HĐQT ngày 20 tháng 3 năm 2024, Hội đồng quản trị Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam đã phê duyệt phương án sử dụng tiền thu được từ đợt phát hành 40.145.438 cổ phiếu phổ thông để tăng phần vốn góp của Tổng Công ty tại Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật – một Công ty liên doanh của Tổng Công ty và Tập đoàn Sojitz Nhật Bản, qua đó Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật sẽ triển khai thực hiện dự án chăn nuôi bò thịt và các hoạt động giết mổ, chế biến, bảo quản thịt bò và các sản phẩm từ thịt bò (“Dự án bò thịt”).

Dự án bò thịt gồm hai dự án thành phần như sau:

- (a) Dự án “Đầu tư cải tạo trang trại, chuyển đổi vật nuôi từ lợn sang bò thịt, xây dựng cơ sở giết mổ, chế biến, bảo quản và phân phối tại Tam Đảo” tại huyện Tam Đảo và huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, được Ủy ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc cấp Quyết định chủ trương đầu tư số 2216/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2021 chấp thuận Tổng Công ty làm chủ đầu tư, có tổng mức đầu tư dự kiến là 1.670 tỷ đồng (“Dự án Tam Đảo”). Dự án Tam Đảo là thành phần chính của Dự án bò thịt, theo đó Tổng Công ty sẽ làm chủ đầu tư của Dự án Tam Đảo cho đến khi hoàn thành xây dựng và đáp ứng đủ điều kiện chuyển nhượng dự án theo quy định của pháp luật hiện hành, sau đó Tổng Công ty sẽ chuyển nhượng Dự án Tam Đảo cho Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật để tiếp tục triển khai và vận hành; và
- (b) Cơ sở chăn nuôi, vỗ béo bò thịt để hỗ trợ cho Dự án Tam Đảo.

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tình hình sử dụng vốn này

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành 40.145.438 cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Tình hình thực tế sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành 40.145.438 cổ phiếu phổ thông cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024:

STT	Nội dung	Từ ngày		Từ ngày		Lũy kế từ ngày	
		21 tháng 9 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	1 tháng 1 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	21 tháng 9 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	1 tháng 1 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	21 tháng 9 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	21 tháng 9 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
I.	Số dư tiền đầu kỳ/năm	-	-	562.036.132.000	-	562.036.132.000	-
II.	Số tiền thu được từ đợt phát hành 40.145.438 cổ phiếu phổ thông	562.036.132.000	-	-	-	-	562.036.132.000
III.	Sử dụng vốn	-	-	562.036.132.000	562.036.132.000	562.036.132.000	562.036.132.000
1	Góp vốn vào Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật	-	-	562.036.132.000	562.036.132.000	562.036.132.000	562.036.132.000
IV.	Số dư tiền cuối kỳ/năm từ đợt phát hành (I + II – III)	562.036.132.000	-	-	-	-	-

Ngày 20 tháng 3 năm 2025

Người lập:

Người xem xét:

Người duyệt:



Hoàng Mạnh Cường
Kế toán trưởng



Nguyễn Đức Nam
Phó Tổng Giám đốc



Đoàn Quốc Khánh
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tình hình sử dụng vốn này

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành 40.145.438 cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tình hình sử dụng vốn đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty là:

- Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò;
- Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn;
- Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; và
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

2. Cơ sở kế toán và những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là cơ sở kế toán và những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo này.

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tình hình sử dụng vốn bao gồm thông tin tài chính liên quan đến việc sử dụng tiền thu được từ đợt phát hành 40.145.438 cổ phiếu phổ thông cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 và là một phần tài liệu trình cho Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty để báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Hội đồng Quản trị và các cổ đông của Tổng Công ty.

Báo cáo được lập dựa trên sổ sách kế toán và chứng từ của Tổng Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tình hình sử dụng vốn được lập trên cơ sở thực thu, thực chi theo nguyên tắc giá gốc. Theo cơ sở kế toán này, vốn sử dụng được ghi nhận khi việc thanh toán được thực hiện.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP

Thuyết minh Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành 40.145.438 cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

(c) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

Ngày 20 tháng 3 năm 2025

Người lập:



Hoàng Mạnh Cường
Kế toán trưởng

Người xem xét:

Nguyễn Đức Nam
Phó Tổng Giám đốc

Người duyệt:



Đoàn Quốc Khánh
Tổng Giám đốc

CTCP
In